

BÀI TẬP ĐỌC HIỂU VĂN BẢN NGHỊ LUẬN LỚP 6**BÀI 1. Bài tập trắc nghiệm:**

Câu 1: Ai là tác giả của văn bản “Xem người ta kìa!”

- A. Lí Lan B. Hà My **C. Lạc Thanh** D. Nguyễn Nhật Ánh

Câu 2. Văn bản Xem người ta kìa! sử dụng phương thức biểu đạt chính nào?

- A. Miêu tả B. Biểu cảm C. Thuyết minh **D. Nghị luận**

Câu 3.Đâu không phải là giá trị nghệ thuật của văn bản: “Xem người ta kìa!”

- A. Lập luận chặt chẽ, lí lẽ thuyết phục** B. Lời văn giàu hình ảnh
C. Sử dụng các dẫn chứng xác đáng, thuyết phục D. Xây dựng tâm lý nhân vật đặc sắc

Câu 4. Đoạn trích sau có vai trò gì trong văn bản “Xem người ta kìa!”?

“Xem người ta kìa!” - đó là câu mẹ tôi thường thốt lên mỗi khi không hài lòng với tôi về một điều gì đó. Cùng với câu này, mẹ còn nói: “Người ta cười chết!”, “Có ai như thế không?” “Có ai làm vậy không?”, “Ai đời lại thế?”... Tôi là đứa trẻ được dạy nhiều về hiếu thuận, tôi đã cố sức vâng lời để mẹ vui lòng. Nhưng mỗi lần như vậy, thú thật, tôi không thấy thoải mái chút nào.

- A. Giới thiệu vấn đề nghị luận** B. Suy nghĩ của tác giả về câu nói của mẹ

- C. Giới thiệu về câu nói của mẹ

- D. Phân tích, bình luận, chứng minh vấn đề so sánh người này với người khác.

Câu 5. Trong văn bản “Xem người ta kìa!”, tác giả khẳng định bản thân luôn cảm thấy như thế nào khi bị so sánh với người khác?

- A. Hài lòng B. Khó chịu C. Vui vẻ D. Biết ơn

Bài tập 2. Đọc đoạn trích sau và chọn phương án trả lời đúng cho các câu hỏi:

Mẹ tôi không phải không có lí khi đòi hỏi tôi phải lấy người khác làm chuẩn mực để noi theo. Trên đời, mọi người giống nhau nhiều điều lắm. Ai chẳng muốn thông minh, giỏi giang? Ai chẳng muốn được tin yêu, tôn trọng? Ai chẳng muốn thành đạt? Thành công của người này có thể là niềm ao ước của người kia. Vì lẽ đó, xưa nay, không ít người tự vượt lên chính mình nhờ noi gương những cá nhân xuất chúng. Mẹ muốn tôi giống người khác, thì “người khác” đó trong hình dung của mẹ nhất định phải là người hoàn hảo, mười phần vẹn mười.

(Lạc Thanh, Xem người ta kìa!, Ngữ văn 6, tập hai, Sđd, tr. 54)

1. Đoạn trích trên đây được sử dụng để:

- A. Kể một câu chuyện B. Trình bày một ý kiến
C. Bộc lộ một cảm xúc D. Nói về một trải nghiệm

2. Trong đoạn trích, người viết chủ yếu sử dụng:

- A. Lí lẽ B. Bằng chứng C. Lí lẽ và bằng chứng

3. Mẹ muốn con phải noi gương những người:

- A. Đẹp đẽ B. Có sức khoẻ C. Thông minh D. Toàn vẹn, không có khiếm khuyết

4.. “Vì lẽ đó, xưa nay, không ít người tự vượt lên chính mình nhờ noi gương những cá nhân xuất chúng” là một câu có:

- A. Một trạng ngữ vừa chỉ nguyên nhân vừa dùng để liên kết với câu trước, một trạng ngữ chỉ thời gian
B. Một trạng ngữ chỉ nguyên nhân, một trạng ngữ chỉ điều kiện
C. Một trạng ngữ chỉ địa điểm, một trạng ngữ chỉ thời gian
D. Một trạng ngữ chỉ điều kiện, một trạng ngữ chỉ thời gian

Bài tập 3

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

Mỗi chúng ta đều giống một đóa hoa. Có những bông hoa lớn và cũng có những bông hoa nhỏ, có những bông nở sớm và những bông nở muộn, có những đóa hoa rực rỡ sắc màu được bày bán ở những cửa hàng lớn, cũng có những đóa hoa đơn sắc kết thúc “đời hoa” bên vệ đường.

Sứ mệnh của hoa là nở. Cho dù không có những ưu thế để như nhiều loài hoa khác, cho dù được đặt ở bất cứ đâu, thì cũng hãy bùng nổ rực rỡ, bung ra những nét đẹp mà chỉ riêng ta mới có thể mang đến cho đời.[...]

Hãy bung nở đóa hoa của riêng mình dù có được gieo mầm ở bất cứ đâu.

(Kazuko Watanabe, *Mình là nắng việc của mình là chói chang*, Vũ Thùy Linh dịch, NXB Thế giới, 2018)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản.

Câu 2. Chỉ ra và nêu tác dụng của một phép tu từ được sử dụng trong câu văn: *Có những bông hoa lớn và cũng có những bông hoa nhỏ, có những bông nở sớm và những bông nở muộn, có những đóa hoa rực rỡ sắc màu được bày bán ở những cửa hàng lớn, cũng có những đóa hoa đơn sắc kết thúc “đời hoa” bên vệ đường.*

Câu 3. Em hiểu câu nói này như thế nào: *Hãy bung nở đóa hoa của riêng mình dù có được gieo mầm ở bất cứ đâu.*

Câu 4. Em có đồng tình với suy nghĩ của tác giả: “*Mỗi chúng ta đều giống một đóa hoa.*” không? Vì sao?

Gợi ý:

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính của văn bản là nghị luận.

Câu 2. “*Có những bông hoa lớn và cũng có những bông hoa nhỏ, có những bông nở sớm và những bông nở muộn, có những đóa hoa rực rỡ sắc màu được bày bán ở những cửa hàng lớn, cũng có những đóa hoa đơn sắc kết thúc “đời hoa” bên vệ đường.*”

Phép tu từ được sử dụng trong câu văn: điệp ngữ “*Có những...cũng có những...*”.

Tác dụng: Nhấn mạnh những cuộc đời khác nhau của hoa.

Câu 3. Có thể hiểu câu: *Hãy bung nở đóa hoa của riêng mình dù có được gieo mầm ở bất cứ đâu*

Dù ta không có ưu thế được như nhiều người khác, cho dù ta sống trong hoàn cảnh nào thì cũng hãy bung nở rực rỡ, phô hết ra những nét đẹp mà chỉ riêng ta mới có thể mang đến cho đời, hãy luôn nuôi dưỡng tâm hồn con người và làm cho xã hội trở nên tốt đẹp hơn.

Câu 4. Em đồng tình với suy nghĩ của tác giả: “*Mỗi chúng ta đều giống một đóa hoa*”.

Vì: - Mỗi người là một đóa hoa tuyệt vời trên thế giới này, tựa như mỗi một món quà độc đáo

- Mỗi người đều có năng lực và phẩm chất tốt đẹp riêng của mình để làm đẹp cho cuộc đời

Bài tập4: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:

“*Động vật không xa lạ với cuộc sống con người; gần như mỗi chúng ta đều có những kí ức tuổi thơ tươi đẹp gắn gũi với động vật và thiên nhiên. [...] Hẳn nhiều người đã từng dành hàng giờ nhìn lũ kiến “hành quân” tha mồi về tổ hay buộc chỉ vào chân cánh cam làm cánh điều thả chơi. Những loài động vật vật bé nhỏ đã nuôi dưỡng biết bao tâm hồn trẻ thơ, vẽ lên những bức tranh kí ức về thời thơ ấu tươi đẹp.*

Vào kì nghỉ hè, nhiều trẻ em mong ngóng được về quê chơi. Buổi sáng tinh mơ, gà trống gáy vang ò ó o gọi xóm làng thức dậy, lũ chim chích đưa vui trên cành cây, đàn bò chậm rãi ra đồng làm việc. Người nông dân ra bờ sông cắt cỏ, được mẻ tôm, mẻ cá nào lại đem về chế biến thành những món ăn thanh đạm của thôn quê. Vì vậy, khó mà tưởng tượng được rằng nếu không có động vật thì cuộc sống của con người sẽ ra sao.”

(Trích “*Vì sao chúng ta phải đối xử thân thiện với động vật?*” - Kim Hạnh Bảo, Trần Nghị Du

)

Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích.

Câu 2: Nêu nội dung chính của đoạn trích.

Câu 3: Chỉ ra các lí lẽ và bằng chứng mà tác giả đã nêu ra để làm sáng tỏ cho nội dung chính.

Câu 4: Em hãy chia sẻ một kỉ niệm thời thơ ấu của em được gắn bó với các loài động vật.

Gợi ý

Câu 1: Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận

Câu 2: Nội dung chính của đoạn trích: Động vật gắn bó với con người, gắn bó với kí ức tuổi thơ mỗi người.

Câu 3: Các lí lẽ và bằng chứng:

Lí lẽ	Bằng chứng
Những loài động vật nuôi dưỡng tâm hồn trẻ thơ	Đứng nhìn lũ kiến hành quân tha mồi về tổ, buộc chỉ vào chân cánh cam làm cánh điều thả chơi
Vì vậy, khó mà tưởng tượng được rằng nếu không có động vật thì cuộc sống của con người sẽ ra sao	Buổi sáng tinh mơ, gà trống gáy vang ò ó o gọi xóm làng thức dậy, lũ chim chích vui trên cành cây, đàn bò chậm rãi ra đồng làm việc. Người nông dân ra bờ sông cắt cỏ, được mẻ tôm, mẻ cá nào được đem về chế biến thành những món ăn thanh đạm của thôn quê

Câu 4: HS chia sẻ kỉ niệm của bản thân (kể lại kỉ niệm và bộc lộ cảm xúc):

Có thể:

- Được bố mẹ cho đi thăm sở thú vào cuối tuần.
- Được về thăm quê kì nghỉ hè, hoà mình vào cuộc sống thiên nhiên nơi thôn quê.
- Kỉ niệm với một con vật nuôi trong nhà mà em yêu quý.

Bài tập 5: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:

[...] Mỗi loài động vật tồn tại trên Trái Đất đều là kết quả của tạo hoá trong hàng tỉ năm và có tác dụng của chúng trong tự nhiên là không thể thay thế. Mỗi loài động vật đều có quan hệ trực tiếp hoặc

gián tiếp đối với con người; nếu mất đi bất kì một loài nào cũng có thể tạo ra một vết khuyết trong hệ sinh thái là môi trường sinh tồn của con người.

Trong hơn một thế kỉ trở lại đây, dân số thế giới ngày càng gia tăng, trong khi số lượng các loài động vật ngày một giảm đi rõ rệt. Môi trường sống của động vật bị con người chiếm lĩnh, phá hoại, không ít loài đã hoặc đang đứng trước nguy cơ tuyệt chủng hoàn toàn. Nhiều loài thậm chí thường xuyên bị con người ngược đãi, săn bắt vô tổ chức và tàn sát không thương tay. [...]

(Trích “*Vì sao chúng ta phải đối xử thân thiện với động vật?*” - Kim Hạnh Bảo, Trần Nghi Du)

Câu 1: Nêu nội dung chính của đoạn trích trên.

Câu 2: Chỉ ra các từ Hán Việt có trong câu văn “*Môi trường sống của động vật bị con người chiếm lĩnh, phá hoại, không ít loài đã hoặc đang đứng trước nguy cơ tuyệt chủng hoàn toàn*”. Em hiểu “tuyệt chủng” có nghĩa là gì?

Câu 3: Theo em, có những nguyên nhân nào khiến cho không ít loài vật đã hoặc đang đứng trước nguy cơ “tuyệt chủng”?

Câu 4: Em hãy đề xuất một số giải pháp để góp phần bảo vệ các loài động vật khỏi nguy cơ tuyệt chủng.

Gợi ý

Câu 1: Nội dung chính đoạn trích: **Thực trạng đáng báo động về cuộc sống của động vật đang bị hủy hoại.**

Câu 2:

- Các từ Hán Việt: *môi trường; chiếm lĩnh; nguy cơ; tuyệt chủng.*
- Nghĩa của từ “Tuyệt chủng”: bị mất hẳn nòi giống.

Câu 3: Những nguyên nhân nào khiến cho không ít loài vật đã hoặc đang đứng trước nguy cơ “tuyệt chủng”:

- Do con người chiếm lĩnh, phá hoại môi trường sống tự nhiên của động vật để canh tác, sản xuất.
- Do con người săn bắt trái phép, tàn sát các loài động vật hoang dã để mua bán, trao đổi vì lợi ích cá nhân.
- Do biến đổi khí hậu khiến các loài động vật không kịp thích nghi (mà nguyên nhân sâu xa gây biến đổi khí hậu phần lớn do hoạt động của con người)
- ...

Câu 4: Một số giải pháp để góp phần bảo vệ các loài động vật khỏi nguy cơ tuyệt chủng:

- + Đưa danh sách các loài động vật có nguy cơ tuyệt chủng vào Sách đỏ để bảo vệ.
- + Các cơ quan chính quyền có các văn bản nghiêm cấm không săn bắt giết hại động vật hoang dã; xử lí nghiêm các hành vi săn bắt, mua bán, trao đổi các động vật hoang dã.
- + Bảo vệ môi trường sống của chúng: kêu gọi trồng rừng để tạo môi trường sống tự nhiên cho động vật; xây dựng các khu dân cư, khu công nghiệp xa khu sinh sống của động vật.
- + Tuyên truyền mọi người về lợi ích của các loài động vật với cuộc sống con người.
- + Xây dựng các khu bảo tồn thiên nhiên, có chế độ bảo vệ các cá thể của những loài động vật có nguy cơ tuyệt chủng.

Bài tập 6.

Biết hòa đồng, gần gũi mọi người, nhưng cũng phải biết giữ lấy cái riêng và tôn trọng sự khác biệt. Em có đồng ý với ý kiến này không? Vì sao?

Hướng dẫn làm bài:

Em đồng ý với ý kiến ***Biết hòa đồng, gần gũi mọi người, nhưng cũng phải biết giữ lấy cái riêng và tôn trọng sự khác biệt***. Hòa đồng, gần gũi với mọi người thể hiện cách sống chan hòa, vui vẻ, có thiện chí, xây dựng mối quan hệ với bạn bè thể hiện sự tự tin trong giao tiếp và ứng xử của mỗi con người. Tuy nhiên cũng cần "sống thành thật với chính mình" nghĩa là "biết giữ lấy cái riêng và tôn trọng sự khác biệt". Chính điều đó sẽ làm nên giá trị bản thân cho mỗi con người. Cũng chính nhờ việc giữ được những cái riêng sẽ càng làm cho con người hòa đồng, gần gũi với nhau nhiều hơn. Trong bài văn nghị luận, tác giả đã được ra lý lẽ cho ý kiến rất thuyết phục đó là: "Ai cũng cần hoà nhập, nhưng sự hoà nhập có nhiều lỗi chứ không phải một. Mỗi người phải được tôn trọng, với tất cả những cái khác biệt vốn có. Sự độc đáo của từng cá nhân làm cho tập thể trở nên phong phú. Nếu chỉ ao ước được giống người khác, thì làm sao ta có hi vọng đóng góp cho tập thể, cho cộng đồng một cái gì đó của chính mình. Đòi hỏi chung sức chung lòng không có nghĩa là gạt bỏ cái riêng của từng người".

Bài tập 7.

Viết đoạn văn (khoảng 5 - 7 câu) trình bày suy nghĩ của em về vấn đề: Mỗi người cần có cái riêng của mình.

Hướng dẫn làm bài:

Trong cuộc sống, ngoài sự nỗ lực, phấn đấu không ngừng, mỗi chúng ta cần phải ý thức được cái riêng, giá trị của bản thân mình. Khi ý thức được giá trị của bản thân là khi biết được điểm mạnh, điểm yếu của chính mình. Và lúc ấy chúng ta sẽ biết làm thế nào để phát huy tối đa những khả năng, sở thích vốn có của mình và sửa chữa những khuyết điểm còn tồn tại. Đồng thời khi đã biết những điểm mạnh của bản thân cũng giúp chúng ta tự tin trong hành động, luôn luôn cố gắng để đạt tới cái đích mà mình đã lựa chọn. Ngược lại, nếu đến chính giá trị của bản thân mình chúng ta cũng không hiểu thì thật khó để lựa chọn được con đường đúng đắn, thiếu tự tin với chính quyết định của mình. Hành trình để khẳng định cái riêng của mình khôn đòi hỏi bản thân mỗi người cần nỗ lực, cố gắng hết mình để tìm thấy giá trị đích thực của bản thân.

Bài tập 8:

Cho câu mở đầu: *Tôi không muốn khác biệt vô nghĩa...*, hãy viết tiếp 5 - 7 câu để hoàn thành một đoạn văn.

Bài tập 9:

Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi:

Trên mạng xã hội, mỗi người là một ông bầu của chính mình trong cuộc xây dựng cho mình một hình ảnh cá nhân. Chúng ta đã trở nên kỳ quặc mà không hề biết. Hãy hình dung cách đây mười năm, trong một buổi họp lớp, một người bỗng nhiên liên tiếp quăng ảnh con cái, ảnh đã ngoại công ty, ảnh con mèo, ảnh bữa nhậu, ảnh lái ô tô, ảnh hai bàn chân mình, ảnh mình trong buồng tắm lên bàn – chắc hẳn người đó sẽ nhận được những ánh mắt ái ngại (...)

Chiếc smartphone đã trở thành một ô cửa nhỏ dẫn người ta thoát khỏi sự buồn chán của bản thân, và cái rung nhẹ báo tin có thông báo mới của nó bao giờ cũng đầy hứa hẹn. Nhưng càng kết nối, càng online, thì cái đám đông rộn ràng kia lại càng làm chúng ta cô đơn hơn. Chỗ này một cái like, chỗ kia một cái mặt cười, khắp nơi là những câu nói cụt lủn, phần lớn các tương tác trên mạng hời hợt và vội vã. Càng bận rộn để giao tiếp nhiều thì chúng ta lại càng không có gì để nói trong mỗi giao tiếp. Ngược với cảm giác đầy đặn, được bồi đắp khi chúng ta đứng trước thiên nhiên hay một tác phẩm nghệ thuật lớn, trên mạng xã hội ta bị xáo trộn, bứt rứt, và ghen tị với cuộc sống của người khác như một người đói khát nhìn một bữa tiệc linh đình qua cửa sổ mà không thể bỏ đi. Đêm khuya, khi các chấm xanh trên danh sách friend dần dần tắt, người ta cuộn lên cuộn xuống cái news feed để hòng tìm một status bị bỏ sót, một câu rồi kéo dài vài giây, một cái nhìn qua lỗ khóa vào cuộc sống của một người xa lạ, để làm tê liệt cảm giác trống rỗng.

(Trích Bức xúc không làm ta vô can, Đặng Hoàng Giang, tr.76 - 77, NXB Hội Nhà văn, 2016).

Lựa chọn đáp án đúng:

Câu 1: Đoạn trích trên thuộc kiểu văn bản nào? (1)

- A. Văn bản nghị luận. B. Văn bản thông tin.
C. Văn bản tự sự. D. Văn bản biểu cảm.

Câu 2: Trong câu *Trên mạng xã hội, mỗi người là một ông bầu của chính mình trong cuộc xây dựng cho mình một hình ảnh cá nhân*. Cụm từ “trên mạng xã hội” là trạng ngữ chỉ ý nghĩa gì? (3)

- A. Thời gian. B. Nơi chốn. C. Mục đích. D. Cách thức.

Câu 3: Từ “một” trong cụm từ “một ô cửa nhỏ” là: (3)

- A. Phó từ B. Chỉ từ C. Số từ. D. Lượng từ.

Câu 4: Câu “Ngược với cảm giác đầy đặn, được bồi đắp khi chúng ta đứng trước thiên nhiên hay một tác phẩm nghệ thuật lớn, trên mạng xã hội ta bị xáo trộn, bứt rứt, và ghen tị với cuộc sống của người khác như một người đói khát nhìn một bữa tiệc linh đình qua cửa sổ mà không thể bỏ đi.” được xem là một dẫn chứng trong văn bản nghị luận. (2)

- A. Đúng. B. Sai.

Câu 5: Nội dung chính của đoạn trích trên là: (4)

- A. Bàn về ảnh hưởng của mạng xã hội đến đời sống tinh thần của con người.
B. Bàn về những trải nghiệm thú vị của con người khi tiếp xúc với mạng xã hội.
C. Bàn về ảnh hưởng của mạng xã hội đến đời sống vật chất của con người.
D. Bàn về những trải nghiệm buồn của con người khi tiếp xúc với mạng xã hội.

Câu 6: Từ “cụt lủn” trong câu “Chỗ này một cái like, chỗ kia một cái mặt cười, khắp nơi là những câu nói cụt lủn, phần lớn các tương tác trên mạng hời hợt và vội vã” có nghĩa là (5)

- A. Quá ngắn đến mức không bình thường. B. Quá ngắn, quá ít so với yêu cầu cần có.
C. Quá ngắn, trông giống như bị hụt đi. D. Ngắn, cụt đến mức thiếu hẳn đi một đoạn.

Câu 7: Dựa vào ý nghĩa của câu *Chúng ta đã trở nên kỳ quặc mà không hề biết*, lựa chọn từ ngữ thích hợp điền vào chỗ trống trong câu sau: (4)

Người viết lối sống ảo ở giới trẻ.

- A. Phê phán. B. Lên án. C. Chê bai. D. Chê giễu.

Câu 8: Từ *kỳ quặc* trong câu hỏi số 7 có tác dụng gì? (5)

- A. Miêu tả ý nghĩ lạ lùng, khó hiểu, làm cho người khác phải hết sức ngạc nhiên.
B. Miêu tả hành động kì lạ đến mức trái hẳn lẽ thường, khó hiểu.
C. Miêu tả trạng thái khác với những gì thường thấy, đến mức như vô lí, khó hiểu.
D. Miêu tả cảm xúc bất ngờ do chưa từng thấy, chưa từng gặp phải bao giờ.

Câu 9: Em có đồng tình với ý kiến sau: *Chiếc smartphone đã trở thành một ô cửa nhỏ dẫn người ta thoát khỏi sự buồn chán của bản thân, và cái rung nhẹ báo tin có thông báo mới của nó bao giờ cũng đầy hứa hẹn?* (7)

Câu 10: Hãy rút ra bài học mà em tâm đắc nhất sau khi đọc đoạn trích. (6)

II. VIẾT (4,0 điểm)

Em đã từng trải qua những chuyến đi xa, được khám phá và trải nghiệm biết bao thắng cảnh, di tích lịch sử văn hóa, học tập được bao điều mới lạ... Hãy kể lại trải nghiệm đáng nhớ của bản thân.

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	A	0,5
	2	B	0,5
	3	C	0,5
	4	B	0,5
	5	A	0,5
	6	D	0,5

	7	A	0,5
	8	B	0,5
	9	HS có thể lựa chọn cách trả lời <i>đồng tình/ không đồng tình</i> và lí giải hợp lí.	1,0
	10	HS có thể nêu được cụ thể bài học, ý nghĩa của bài học.	1,0
II		VIẾT	4,0
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài văn tự sự</i>	0,25
		<i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề.</i>	0,25
		Kể về một trải nghiệm	
		<i>c. Kể lại một trải nghiệm</i> HS có thể triển khai cốt truyện theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau:	
		- Sử dụng ngôi kể thứ nhất. - Giới thiệu được trải nghiệm. - Các sự kiện chính: bắt đầu – diễn biến – kết thúc. - Cảm xúc và suy nghĩ về trải nghiệm đó.	2.5
		<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0.5
		<i>e. Sáng tạo: Bố cục mạch lạc, lời kể sinh động, sáng tạo.</i>	0.5

ĐỀ SỐ 10

**“THAM LAM” ĐỐI VỚI NGƯỜI KHÁC CHÍNH LÀ NGUỒN GỐC
CỦA MỌI THÓI XẤU**

... Ngoài ra, ranh giới giữa thói xấu và đức tốt chỉ là một sợi tóc. Ví dụ như thói ngạo mạn và lòng dũng cảm. Thói lỗ mãng và tính cương trực. Thói ngoan cố và lòng thành thực. Tính nóng nổi và sự nhanh nhậy. Tổ chất gốc tự nó không phải là xấu.

Tuy vậy, duy có một thứ, vốn dĩ tổ chất gốc đã là xấu, cho nên bất cứ ở đâu, dù ở mức độ nào và nhằm mục đích ra sao, thì nó vẫn cứ là thói xấu. Thứ đó chính là tham lam.

Tham lam thường ngấm ngấm nảy sinh trong lòng. Tham vọng khiến người ta lập mưu tính kế hãm hại người khác nhằm thỏa mãn sự ghen tức, hay xoa dịu nỗi bất hạnh của chính mình. Vì thế những kẻ ôm ấp lòng tham không hề đóng góp gì mà chỉ phá hoại hạnh phúc xã hội.

Ghen ghét, lường gạt, giả dối là những thói mà người ta thường gọi là lừa đảo bịp bợm. Đây là một thói dễ tiện. Nhưng nó không phải là nguyên nhân đẻ ra sự tham lam. Ngược lại, phải thấy rằng chính tham lam đã sản sinh ra những thói dễ tiện ấy mới đúng.

Tham lam là nguồn gốc của mọi thói xấu. Có thể nói: Không có thói xấu nào trong con người mà lại không xuất phát từ tham lam.

Thái độ cay cú ngờ vực, ghen tức, hèn nhát... cũng từ tham lam mà ra. Từ những hành vi thậm thụt, mặt đàm, mưu mô cho đến việc lôi kéo bè cánh, ám sát, nổi loạn... tất cả đều phát sinh từ tham lam.

Trên phạm vi quốc gia, những tai họa do lòng tham gây ra khiến cho dân chúng đều trở thành nạn nhân. Khi đó thì mọi lợi ích công đều biến thành lợi ích riêng của một nhóm người.

(Trích Khuyến học, Fukuzawa Yukichi, Phạm Hữu Lợi dịch, NXB Dân trí)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1: Phương thức biểu đạt chính của văn bản trên là gì?

- A. Tự sự B. Miêu tả C. Biểu cảm D. Nghị luận

Câu 2: Xác định trạng ngữ trong câu “*Trên phạm vi quốc gia, những tai họa do lòng tham gây ra khiến cho dân chúng đều trở thành nạn nhân*” ?

- A. Trên phạm vi quốc gia B. Những tai họa
C. Do lòng tham gây ra D. Dân chúng đều trở thành nạn nhân

Câu 3: Trong văn bản trên, hành vi của kẻ tham lam được thể hiện qua những đâu

- A. Mưu mô, gian dối, lừa đảo, thường xuyên không nói đúng sự thật...
B. Thận thụt, mật đàm, mưu mô cho đến việc lôi kéo bè cánh, ám sát,...
C. Thường lấy đồ của người khác khi họ không để ý làm của riêng cho mình.
D. Hay kết bè phái để chia rẽ, kéo cánh, làm những việc trái với lương tâm.

Câu 4: Vấn đề bàn luận trong văn bản trên là gì?

- A. Bàn về lòng nhân ái B. Bàn về tính trung thực
C. Bàn về lòng khiêm tốn D. Bàn về tính tham lam

Câu 5: Hai câu: “*Tham lam là nguồn gốc của mọi thói xấu. Có thể nói: Không có thói xấu nào trong con người mà lại không xuất phát từ tham lam.*” sử dụng phép tu từ nào?

- A. Điệp ngữ B. Liệt kê C. So sánh D. Ẩn dụ

Câu 6: Thành ngữ nào sau đây nói về sự tham lam?

- A. Cá lớn nuốt cá bé B. Góp gió thành bão
C. Tham thì thâm D. Nước đổ đầu vịt

Câu 7/ Từ Hán Việt “ quốc gia” tương ứng với nghĩa nào sau đây?

- A. Nước nhà B. Nhà cửa C. Nhà ở D. Nước non

Câu 8: Dòng nào sau đây nói đúng nhất về tính tham lam ?

- A. Là thích vợ vét về phần mình cho nhiều.
B. Là sự đắm say, ham muốn, đam mê về một thứ gì đó, một điều gì đó .
C. Là muốn lấy phần hơn, phần nhiều về vật chất cho bản thân.
D. Là không trung thực , muốn chiếm đoạt tất cả nhằm làm lợi cho bản thân.

Câu 9: Qua văn bản trên em rút ra bài học gì cho bản thân?

Câu 10: Em có đồng ý với suy nghĩ của tác giả “*Trên phạm vi quốc gia, những tai họa do lòng tham gây ra khiến cho dân chúng đều trở thành nạn nhân*” không? Vì sao?

PHẦN II. VIẾT (4 điểm)

Em hãy viết bài văn bàn về một vấn đề trong đời sống mà em quan tâm.

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	D	0,5
	2	A	0,5
	3	B	0,5
	4	D	0,5
	5	A	0,5
	6	C	0,5
	7	A	0,5
	8	B	0,5
	9	HS nêu được bài học phù hợp cho bản thân. Gợi ý tham khảo: Sống không tham lam, phải biết yêu thương, giúp đỡ, chia sẻ với mọi người(hs có thể diễn đạt theo nhiều cách khác nhau).	1,0
	10	HS nêu được ý kiến của mình sao cho phù hợp. Lí giải hợp lí (phù hợp với chuẩn mực đạo đức)	1,0
II		VIẾT	4,0
		a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận: Mở bài nêu được vấn đề, thân bài	0,25

	triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề.	
	b. <i>Xác định đúng yêu cầu của đề</i> : suy nghĩ cá nhân đối với hiện tượng một vấn đề mà em quan tâm.	0,25
	c. <i>Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i> HS triển khai vấn đề theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; sau đây là một số gợi ý:	2.5
	a. Nêu vấn đề b. Triển khai vấn đề - Thực trạng của vấn đề - Nguyên nhân của vấn đề - Tác hại của vấn đề - Một số giải pháp c. Kết thúc vấn đề	
	d. <i>Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,5
	e. <i>Sáng tạo</i> : Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận, có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5

ĐỀ SỐ 11:

Đọc văn bản sau:

THỜI GIAN LÀ VÀNG

Ngạn ngữ có câu: Thời gian là vàng. Nhưng vàng thì mua được mà thời gian không mua được. Thế mới biết vàng có giá mà thời gian là vô giá.

Thật vậy, thời gian là sự sống. Bạn vào bệnh viện mà xem, người bệnh nặng, nếu kịp thời chạy chữa thì sống, để chậm là chết.

Thời gian là thắng lợi. Bạn hỏi các anh bộ đội mà xem, trong chiến đấu, biết nắm thời cơ, đánh địch đúng lúc là thắng lợi, để mất thời cơ là thất bại.

Thời gian là tiền. Trong kinh doanh, sản xuất hàng hóa đúng lúc là lãi, không đúng lúc là lỗ.

Thời gian là tri thức. Phải thường xuyên học tập thì mới giỏi. Học ngoại ngữ mà bữa đực, bữa cái, thiếu kiên trì, thì học mấy cũng không giỏi được.

Thế mới biết, nếu biết tận dụng thời gian thì làm được bao nhiêu điều cho bản thân và cho xã hội. Bỏ phí thời gian thì có hại và về sau hối tiếc cũng không kịp.

(Phương Liên - Ngữ văn 9, Tập hai, NXB Giáo dục)

Câu 1: Phương thức biểu đạt chính của văn bản trên là gì?

- A. Thuyết minh B. Nghị luận C. Tự sự D. Biểu cảm

Câu 2: Theo em văn bản trên thời gian có mấy giá trị?

- A. 2 giá trị B. 3 giá trị C. 4 giá trị D. 5 giá trị

Câu 3: Theo tác giả nếu biết tận dụng thời gian thì làm được bao nhiêu điều cho ai?

- A. Cho bản thân B. Cho xã hội
C. Cho bản thân và xã hội D. Cho bản thân và gia đình

Câu 4: Câu “Phải thường xuyên học tập thì mới giỏi.” trong đoạn văn: “Thời gian là tri thức. Phải thường xuyên học tập thì mới giỏi. Học ngoại ngữ mà bữa đực, bữa cái, thiếu kiên trì, thì học mấy cũng không giỏi được.” là câu mang luận điểm?

- A. Đúng B. Sai

Câu 5: Câu “Thời gian là sự sống” sử dụng biện pháp tu từ nào?

- A. Nhân hóa. B. So sánh C. Ẩn dụ D. Hoán dụ

Câu 6: Văn bản trên bàn về vấn đề gì?

Bàn về giá trị của sự sống.

- A. Bàn về giá trị của sức khỏe. B. Bàn về giá trị của thời gian.
C. Bàn về giá trị của tri thức. D. Bàn về giá trị tinh thần

Câu 7: Nêu tác dụng của phép điệp ngữ “Thời gian” trong văn bản trên?

- A. Nhấn mạnh giá trị quý báu của thời gian đối với con người.
B. Nói lên giá trị quý báu của thời gian đối với con người.
C. Nhấn mạnh giá trị quý báu của thời gian
D. Nói lên giá trị quý báu của thời gian đối với con người và sự vật.

Câu 8: Từ “tri thức” được sử dụng trong văn bản trên được hiểu như thế nào?

- A. Tri thức bao gồm những kiến thức, thông tin, sự hiểu biết, hay kỹ năng có được nhờ trải nghiệm, thông qua giáo dục hay tự học hỏi.
B. Tri thức bao gồm những thông tin, sự hiểu biết, hay kỹ năng có được nhờ trải nghiệm, thông qua giáo dục hay tự học hỏi.
C. Tri thức là những kỹ năng có được nhờ trải nghiệm, thông qua học hỏi từ sách vở hoặc trong cuộc sống.
D. Tri thức là những kiến thức, thông tin, sự hiểu biết có được nhờ trải nghiệm, thông qua giáo dục hay tự học hỏi.

Câu 9: Theo em, tại sao tác giả cho rằng: Thời gian là vàng. Nhưng vàng thì mua được mà thời gian không mua được?

Câu 10: Bài học em rút ra được từ văn bản trên?

II. LÀM VĂN (4,0 điểm)

Em đã từng trải qua những chuyến đi xa, được khám phá và trải nghiệm biết bao thắng cảnh, di tích lịch sử văn hóa, học tập được bao điều mới lạ... Hãy kể lại trải nghiệm đáng nhớ của bản thân.

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
C	1	B	0,5
	2	D	0,5
	3	C	0,5
	4	B	0,5
	5	B	0,5
	6	C	0,5
	7	A	0,5
	8	A	0,5
	9	Học sinh có thể lí giải: - Thời gian là vàng vì thời gian quý như vàng - Vàng mua được: vàng là thứ vật chất hữu hình, dù có đẹp, có giá trị đến đâu vẫn có thể trao đổi, mua bán được. - Thời gian không mua được: thời gian là thứ vô hình không thể nắm bắt, đã đi là không trở lại.	1,0
	10	Học sinh biết rút ra được bài học cho bản thân (quý trọng thời gian, sử dụng thời gian hợp lí...).	1,0
II		VIẾT	4,0
-		a. <i>Đảm bảo cấu trúc bài văn biểu cảm:</i> Mở bài giới thiệu đối tượng, thân bài biểu lộ được cảm xúc suy nghĩ về đối tượng, kết bài khẳng định lại tình cảm về đối tượng.	0,25
		b. <i>Xác định đúng yêu cầu của đề:</i> Trải nghiệm của bản thân	0,25

	c. Triển khai vấn đề HS biểu cảm bằng nhiều cách nhưng cần đảm bảo các ý cơ bản sau:	2,5
	- Sử dụng ngôi kể thứ nhất. - Giới thiệu được trải nghiệm. - Các sự kiện chính: bắt đầu – diễn biến – kết thúc. - Cảm xúc và suy nghĩ về trải nghiệm đó.	
	d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,5
	e. Sáng tạo: Bố cục mạch lạc, lời văn biểu cảm sinh động, sáng tạo.	0,5

ĐỀ SỐ 12:

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:

“Thế giới của chúng ta có muôn vàn điều thú vị để khám phá. Cho dù bạn đang ở độ tuổi nào, bạn cũng nên phá vỡ các giới hạn của nhận thức và luyện cho mình kỹ năng quan sát bằng cách ra khỏi nhà, ra ngoài thiên nhiên và chú ý tới mọi điều xung quanh. Hãy đặt cho bản thân những câu hỏi như: “Tại sao...?” “Tại sao không...?” và thử tự tìm các câu trả lời hay sự trợ giúp của những người quen biết. Đừng bao giờ tự cao tự đại nói rằng: “Tôi biết hết rồi, anh/chị sẽ không chỉ cho tôi được điều gì mới đâu!”. Vì chỉ khi chúng ta nhận thức được rằng vẫn còn nhiều điều có thể học, chúng ta mới có thể bổ sung được nhiều kiến thức mới.

Hãy nghe nhạc cổ điển, đến thăm các viện bảo tàng và các phòng trưng bày nghệ thuật, hãy đọc sách về nhiều chủ đề khác nhau, hãy có những sở thích như khiêu vũ, chơi đàn, hội họa hay tập luyện một bộ môn thể thao. Dù bạn chọn cho mình một bộ môn nào đi nữa, bạn cũng nên theo học đến cùng và tìm hiểu không ngừng nghỉ cho đến khi đạt được kiến thức sâu sắc về lĩnh vực đó mới thôi. Đừng chỉ “chạm đến một lần rồi bỏ xó”. Hãy quyết tâm rèn luyện và củng cố trí tò mò để nó trở thành một phần cá tính của bạn. Biết đâu, trong một lần tò mò hay thắc mắc như vậy, bạn sẽ tìm ra được niềm đam mê cho bản thân. Có khát vọng khám phá và tìm tòi là một trong những động lực giúp bạn tiếp cận với thế giới và vươn ra biển lớn”

(Trích *Tìm kiếm niềm đam mê*, Hộ chiếu xanh đi quanh thế giới, Nhà xuất bản Thế giới, 2017, tr 17, 18) NXB Hội nhà văn 2019, tr.68 - 69)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1: Em hãy cho biết đoạn trích trên thuộc loại văn bản nào?

- A. Văn bản truyền ngữ ngôn B. Văn bản thông tin
C. Văn bản hành chính công vụ D. Văn bản nghị luận

Câu 2. Trong các câu sau, câu văn nào nêu lên nội dung của đoạn trích ?

- A. Thế giới của chúng ta có muôn vàn điều thú vị để khám phá .
B. Tôi biết hết rồi, anh/chị sẽ không chỉ cho tôi được điều gì mới đâu!
C. Biết đâu, trong một lần tò mò hay thắc mắc như vậy, bạn sẽ tìm ra được niềm đam mê cho bản thân.
D. Đừng chỉ “chạm đến một lần rồi bỏ xó”.

Câu 3 : Từ “hãy” trong câu văn “*Hãy quyết tâm rèn luyện và củng cố trí tò mò để nó trở thành một phần cá tính của bạn*” là phó từ đúng hay sai ?

- A. Đúng B. Sai

Câu 4. Theo tác giả, chúng ta có lợi ích khi “nhận thức được rằng vẫn còn nhiều điều có thể học” ?

- A. Đạt được kiến thức sâu sắc B. Bổ sung được nhiều kiến thức mới
C. Khám phá muôn điều thú vị D. Củng cố được trí tò mò

Câu 5. Từ “một” trong câu văn “*Có khát vọng khám phá và tìm tòi là một trong những động lực giúp bạn tiếp cận với thế giới và vươn ra biển lớn*” thuộc từ loại nào.?

A. Danh từ B. Tính từ C. Động từ D. Số từ

Câu 6. Dòng nào trong các dòng sau đây nêu đúng chủ đề của đoạn trích?

A. Khát vọng và khám phá B. Khát vọng và ước mơ
C. Khát vọng và đam mê D. Khát vọng và cống hiến

Câu 7. Sự thuyết phục chủ yếu của đoạn văn trên là gì?

A. Nghệ thuật xây dựng tính cách nhân vật
B. Nghệ thuật miêu tả đặc sắc
C. Nghệ thuật lập luận giản dị mà chặt chẽ, logic
D. Thể hiện tình cảm sâu đậm

Câu 8. Nghĩa của từ “*tiếp cận*” trong câu “*Có khát vọng khám phá và tìm tòi là một trong những động lực giúp bạn tiếp cận với thế giới và vươn ra biển lớn*” ?

A. Tìm hiểu một vấn đề nào đó B. Đến gần để tiếp xúc
C. Ở gần, ở liền kề D. Tiến sát gần

Câu 9. Theo em, mỗi chúng ta có cần phải học hỏi, khám phá để nâng cao kiến thức không? Vì sao?

Câu 10. Em rút ra được bài học gì cho bản thân từ đoạn trích trên?

II. VIẾT : (4,0 điểm)

Em đã từng trải qua rất nhiều trải nghiệm, mỗi trải nghiệm đều mang lại cho em nhiều ấn tượng không bao giờ quên được. Hãy kể lại một trải nghiệm của em với người thân trong gia đình (ông, bà, cha, mẹ, anh, chị ...)

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	D	0,5
	2	A	0,5
	3	A	0,5
	4	B	0,5
	5	D	0,5
	6	A	0,5
	7	C	0,5
	8	B	0,5
	9	HS trả lời có hoặc không, có lý giải phù hợp.	1,0
	10	HS nêu được ít nhất 02 bài học cho bản thân Ví dụ : Mỗi con người cần không ngừng học hỏi, nâng cao kiến thức cho bản thân để có thể biết được nhiều điều mới mẻ hơn.	1,0
II		VIẾT	4,0
		Kể lại một trải nghiệm với một người thân của bản thân. HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau: - Sử dụng ngôi kể thứ nhất. - Giới thiệu được trải nghiệm sẽ kể. - Những sự việc chính trong trải nghiệm: bắt đầu, diễn biến, kết thúc... - Ý nghĩa của trải nghiệm đối với bản thân...	0,25
		b. Xác định đúng yêu cầu của đề: tình cảm, cảm xúc của cá nhân đối với nhân vật	0,25
		c. Triển khai vấn đề HS lần lượt kể những tình cảm, cảm xúc sâu sắc, chân thành giành cho người thân.	

	d. Chính tả, ngữ pháp	
	Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,5
	e. Sáng tạo: Lời văn sinh động, biểu cảm, sáng tạo.	0,5

ĐỀ SỐ 13:**Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi:**

“Lòng nhân ái không phải tự sinh ra con người đã có. Lòng nhân ái là một trong những phẩm chất hàng đầu, là văn hóa của mỗi một con người. Lòng nhân ái có được là do sự góp công của mỗi gia đình và nhà trường tạo lập cho các em thông qua các hoạt động trải nghiệm rèn luyện, học tập, sẻ chia, “đau với nỗi đau của người khác”... Và lòng nhân ái của các em Trường Quốc tế Global đã được hình thành như thế, [...]”

Lòng nhân ái là một phần quan trọng trong mục tiêu giáo dục toàn diện của trường GIS và thực tế, lòng nhân ái rất cần trong đời sống, đó là nét văn hóa, là cốt cách của mỗi một con người. Các hoạt động từ thiện đã và đang diễn ra tại Trường Quốc tế Global đã góp phần giúp các em học sinh xây dựng tính cộng đồng, tinh thần trách nhiệm, sẻ chia với mọi người và giúp người khi khó khăn hoạn nạn, phát triển toàn diện tri thức và đạo đức để trở thành những công dân ưu tú, có ích cho xã hội, gìn giữ được bản sắc văn hóa Việt Nam.”

(Trích Dạy trẻ lòng nhân ái ở trường quốc tế Global – theo Dân trí - ngày 14/ 2/ 2015).

Câu 1: Theo bài viết, lòng nhân ái của mỗi học sinh được hình thành từ đâu?

- AA. Mỗi con người sinh ra tự nhiên đã có lòng nhân ái
- BB. Thông qua các hoạt động trải nghiệm rèn luyện, học tập, chia sẻ
- CC. Do các em được học tập qua sách báo, in-te-net
- DD. Do yếu tố di truyền từ cha mẹ

Câu 2: Chỉ ra tính mạch lạc trong các câu văn sau: “Lòng nhân ái không phải tự sinh ra con người đã có. Lòng nhân ái là một trong những phẩm chất hàng đầu, là văn hóa của mỗi một con người.” ?

- A. Phép lặp
- B. Phép thế
- C. Phép nối
- D. Phép liên tưởng

Câu 3: Trong mục tiêu giáo dục của trường GIS, lòng nhân ái nằm ở vị trí nào ?

- AA. Là ưu tiên số một trong mục tiêu giáo dục toàn diện của trường GIS
- BB. Là mục tiêu giáo dục duy nhất của trường GIS
- CC. Chưa có trong mục tiêu giáo dục của trường GIS
- DD. Là một phần quan trọng trong mục tiêu giáo dục toàn diện của trường GIS

Câu 4: Trong các cách hiểu sau về nghĩa của từ “nhân ái”, cách hiểu nào là thuật ngữ ?

- AA. Là lòng yêu thương con người, sẵn sàng giúp đỡ khi cần thiết
- BB. Là một trong những phẩm chất hàng đầu, là văn hóa của mỗi con người
- CC. Là do sự góp công của mỗi gia đình và nhà trường tạo lập cho các em
- DD. Là một phần quan trọng trong mục tiêu giáo dục toàn diện của trường GIS

Câu 5: Để phát huy lòng nhân ái của học sinh, Trường Quốc tế Global đã làm gì ?

- AA. Tổ chức các hoạt động tham quan du lịch cho học sinh tham gia
- BB. Tổ chức Câu lạc bộ học tập cho học sinh tham gia
- CC. Tổ chức các hoạt động từ thiện cho học sinh tham gia
- DD. Tổ chức các hoạt động thể dục thể thao cho học sinh tham gia

Câu 6: Trong các câu sau câu nào có nghĩa **không** liên quan trực tiếp đến lòng nhân ái ?

- A. Thương người như thể thương thân
- B. Đi một ngày đàng, học một sàng khôn
- C. Lá lành đùm lá rách
- D. Một miếng khi đói bằng một gói khi no

Câu 7: Em có đồng tình với quan điểm của người viết: “lòng nhân ái rất cần trong đời sống” không ?

- A. Đồng tình
- B. Không đồng tình

Câu 8: Tại sao tác giả cho rằng giáo dục lòng nhân ái là việc làm hướng đến “giữ gìn được bản sắc văn hóa Việt Nam”

- A. Vì giáo dục lòng nhân ái cũng là giáo dục văn hóa
 B. Vì đó là mục tiêu xây dựng con người có văn hóa
 C. Vì đó là sự khác biệt trong văn hóa Việt Nam so với các nước khác
 D. Vì lòng nhân ái vốn là một nét đẹp của truyền thống văn hóa Việt Nam

Câu 9. Nêu một số biểu hiện về lòng nhân ái của con người trong cuộc sống (ít nhất 02 biểu hiện) ?

Câu 10. Từ đoạn trích trên hãy rút ra một thông điệp có ý nghĩa nhất đối với em ?

PHẦN II. VIẾT (4,0 điểm)

Viết bài văn tả lại một cảnh sinh hoạt mà em ấn tượng.

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

Câu	Nội dung	Điểm
I	ĐỌC HIỂU	6,0
1	B	0,5
2	A	0,5
3	D	0,5
4	A	0,5
5	C	0,5
6	B	0,5
7	A	0,5
8	D	0,5
9	<p>- HS nêu được ít nhất 02 biểu hiện về lòng nhân ái trong đời sống con người, phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật</p> <p>Gợi ý</p> <ul style="list-style-type: none"> + Quan tâm đến những người xung quanh + Chia sẻ, cảm thông với những nỗi đau của người khác + Giúp đỡ về vật chất khi người khác rơi vào hoàn cảnh bần cùng, bế tắc,.... <p>* Hướng dẫn cho điểm</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS chỉ nêu được chính xác ít nhất 02 biểu hiện của lòng nhân ái trong đời sống con người: cho 1,0 điểm - HS chỉ nêu được chính xác 01 biểu hiện của lòng nhân ái trong đời sống con người: cho 0,5 điểm - HS chỉ nêu không đúng biểu hiện của lòng nhân ái trong đời sống con người hoặc không trả lời: Không cho điểm 	1,0
10	<p>- HS nêu được 01 thông điệp có ý nghĩa nhất với bản thân về lòng nhân ái trong đời sống con người, phải phù hợp với nội dung đoạn trích và phải phù hợp chuẩn mực đạo đức và pháp luật</p> <p>Gợi ý</p> <ul style="list-style-type: none"> + Việc giáo dục lòng nhân ái cho HS là việc làm quan trọng, cần thiết đối với người làm giáo dục và đối với nhà trường + Là HS cần rèn luyện cho bản thân lòng nhân ái, sẵn sàng đùm bọc, chia sẻ, cảm thông trước những khó khăn của con người trong cuộc sống,... <p>* Hướng dẫn cho điểm</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS chỉ nêu được thông điệp có ý nghĩa nhất đối với bản thân phù hợp với nội dung đoạn trích và phù hợp chuẩn mực đạo đức và pháp luật cho 1,0 điểm - HS chỉ nêu được thông điệp có ý nghĩa nhất đối với bản thân phù hợp với nội dung đoạn trích và phù hợp chuẩn mực đạo đức và pháp luật nhưng chưa rõ ràng: cho 0,5 điểm 	1,0

	- HS chỉ nêu thông điệp không đúng không phù hợp với nội dung đoạn trích và phù hợp chuẩn mực đạo đức và pháp luật. Hoặc không trả lời; Không cho điểm	
II	VIẾT	4,0
	a. Đảm bảo cấu trúc bài văn miêu tả Mở bài nêu được đối tượng miêu tả (cảnh sinh hoạt); Thân bài làm rõ được đối tượng miêu tả ; Kết bài nêu được cảm nghĩ về đối tượng miêu tả.	0,25
	b. Xác định đúng yêu cầu của đề. Cảnh sinh hoạt mà em ấn tượng: một trận bóng đá; đêm Hội trăng rằm; một phiên chợ quê; cảnh gặt lúa ngày mùa; một buổi lễ chào cờ; giờ ra chơi ở trường; ...	0,25
	c. Triển khai bài viết theo yêu cầu đề bài: HS có thể miêu tả theo trình tự không gian hoặc thời gian nhưng cần đảm bảo các ý chính sau: * Mở bài: Giới thiệu cảnh sinh hoạt: tên cảnh sinh hoạt, ấn tượng chung về cảnh được tả. * Thân bài: Miêu tả cảnh sinh hoạt - Tả bao quát quanh cảnh - Tả cụ thể cảnh sinh hoạt theo trình tự (không gian, thời gian, hoạt động chính). + Tả hoạt động cụ thể của con người. Hoạt động nào là nổi bật. Chi tiết nào gây ấn tượng. + Thể hiện cảm xúc khi quan sát, khi chứng kiến hoặc tham gia cảnh sinh hoạt. + Sử dụng từ ngữ phù hợp để miêu tả cảnh sinh hoạt một cách rõ nét, sinh động. * Kết bài: Nêu suy nghĩ đánh giá của người viết.	3,0
	a. Đảm bảo cấu trúc bài văn miêu tả Mở bài nêu được đối tượng miêu tả (cảnh sinh hoạt); Thân bài làm rõ được đối tượng miêu tả ; Kết bài nêu được cảm nghĩ về đối tượng miêu tả.	
	b. Xác định đúng yêu cầu của đề. Cảnh sinh hoạt mà em ấn tượng: một trận bóng đá; đêm Hội trăng rằm; một phiên chợ quê; cảnh gặt lúa ngày mùa; một buổi lễ chào cờ; giờ ra chơi ở trường; ...	0,25
	d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. Hướng dẫn chấm: không cho điểm nếu bài làm mắc quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp	
	e. Sáng tạo: Có cách diễn đạt mới mẻ, có sử dụng kết hợp biện pháp tu từ đã học để miêu tả, ngôn ngữ giàu sức biểu cảm, bài viết lôi cuốn, hấp dẫn. Hướng dẫn chấm: + Đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên: 0,25 điểm.	

ĐỀ SỐ 14:**Phần 1. Đọc - Hiểu: (6,0 điểm)****Đọc kĩ văn bản sau và trả lời các câu hỏi:**

Đọc sách là sinh hoạt và nhu cầu trí tuệ thường trực của con người có cuộc sống trí tuệ. [...] Không đọc sách tức là không còn nhu cầu về cuộc sống trí tuệ nữa. Và khi không còn nhu cầu đó nữa, thì đời sống tinh thần của con người nghèo đi, mòn mỏi đi, cuộc sống đạo đức cũng mất luôn nền tảng. Đây là một câu chuyện nghiêm túc, lâu dài và cần được trao đổi, thảo luận một cách cũng rất nghiêm túc, lâu dài. Tôi chỉ muốn thử nêu lên ở đây một đề nghị: Tôi đề nghị các tổ chức thanh niên của chúng ta, bên cạnh những sinh

hoạt thường thấy hiện nay, nên có một cuộc vận động đọc sách trong thanh niên cả nước; và vận động từng nhà gây dựng tủ sách gia đình.

Gần đây có một nước đã phát động phong trào trong toàn quốc mỗi người mỗi ngày đọc lấy 20 dòng sách. Chúng ta cũng có thể làm như thế, hoặc vận động mỗi người trong mỗi năm đọc lấy một cuốn sách. Cứ bắt đầu bằng việc rất nhỏ, không quá khó. Việc nhỏ đấy nhưng rất có thể là việc nhỏ khởi đầu một công cuộc lớn.

(Theo Nguyễn Ngọc, Một đề nghị, tạp chí Điện tử Tiasang.com.vn, ngày 19-7-2007)

Trả lời câu hỏi bằng cách ghi lại đáp án đúng vào giấy kiểm tra.

1. Văn bản trên sử dụng phương thức biểu đạt chính nào?

- A. Miêu tả B. Tự sự C. Biểu cảm D. Nghị luận

2. Câu chủ đề của đoạn 1 trong văn bản trên là ?

- A. Câu thứ tư B. Câu thứ hai C. Câu thứ ba D. Câu thứ nhất

3. Tác giả gửi gắm thông điệp gì qua văn bản trên?

- A. Phê phán việc đọc sách của thanh niên B. Trân trọng sách, khẳng định lợi ích đọc sách
C. Ca ngợi sách văn học, nghệ thuật D. Xem nhẹ lợi ích của việc đọc sách

4. Trong các từ sau, từ nào là từ láy?

- A. Công cuộc B. trí tuệ C. đạo đức D. mơn mõi

5. Trong các từ sau, từ nào không phải là từ Hán Việt?

- A. Trí tuệ B. gia đình
C. công cuộc D. lâu dài

6. Nội dung chính của văn bản là gì?

- A. Vai trò của việc đọc sách
B. Phát động phong trào đọc sách
C. Cách đọc sách hiệu quả
D. Thực trạng của việc đọc sách trong giới trẻ hiện nay

7. Dòng nào sau đây giải thích nghĩa cho từ “việc lớn”

- A. Việc lớn có tính chất cả xã hội B. Việc lớn của một người
C. Việc lớn của một tập thể D. Việc lớn của gia đình

8. Trong văn bản, để phát triển phong trào đọc sách, tác giả đã đề nghị tổ chức thanh niên điều gì?

- A. Vận động đọc sách trong thanh niên từng vùng miền và cả nước, thi đua đọc sách
B. Cuộc vận động đọc sách trong thanh niên cả nước; và vận động từng nhà gây dựng tủ sách gia đình
C. Vận động từng nhà gây dựng tủ sách gia đình, tặng sách cho các cá nhân để khuyến khích đọc sách
D. Xây dựng các nhà sách tại trung tâm thương mại, nhà xuất bản bán sách với giá rẻ

Câu 9 (1 điểm). Trong văn bản, tác giả cho rằng: “Không đọc sách tức là không còn nhu cầu về cuộc sống trí tuệ nữa”, em có đồng ý với ý kiến đó không? Vì sao?

Câu 10 (1 điểm): Cuối văn bản, tác giả viết “Việc nhỏ đấy nhưng rất có thể là việc nhỏ khởi đầu một công cuộc lớn”. Vậy, “việc nhỏ” và “công cuộc lớn” được tác giả nhắc đến là gì?

Phần II . Viết

Tình bạn luôn là tình cảm thiêng liêng vô giá. Và trong những ngày tháng học tập dưới mái trường, có lẽ ai cũng có những tình bạn đẹp. Em hãy viết một bài văn bản về tình bạn đẹp của tuổi học trò.

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	D	0,5
	2	D	0,5

	3	B	0,5
	4	D	0,5
	5	D	0,5
	6	A	0,5
	7	A	0,5
	8	B	0,5
	9	- Học sinh bày tỏ ý kiến của bản thân về vấn đề: “ <i>Không đọc sách tức là không còn nhu cầu về cuộc sống trí tuệ nữa</i> ” Có thể đồng tình vì: + Không đọc sách là không có nhu cầu hiểu biết, mở mang kiến thức + Đời sống tinh thần của con người nghèo đi, mòn mỏi đi, cuộc sống đạo đức cũng mất luôn nền tảng.	1,0
	10	- “Việc nhỏ”: + <i>Vận động từng nhà gây dựng tủ sách gia đình.</i> + <i>Mỗi người mỗi ngày đọc lấy 20 dòng sách, đến mỗi người trong mỗi năm đọc lấy một cuốn sách</i> - “ <i>Công cuộc lớn</i> ”: Đọc sách trở thành ý thức thành nhu cầu của mỗi người, mỗi gia đình, việc đọc sách trở thành văn hóa của đất nước.	1,0
Phần II		VIẾT	4,0
		a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận	0,25
		b. Xác định đúng yêu cầu của đề. Trình bày suy nghĩ của mình về tình bạn đẹp tuổi học trò	0,25
		c. Trình bày suy nghĩ của mình về tình bạn đẹp tuổi trò Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau:	
		- Nêu được thế nào là tình bạn đẹp. - Vai trò của tình bạn đẹp. - Phê phán một số bạn không biết trân trọng tình bạn đẹp tuổi học trò. - Rút ra được bài học nhận thức và hành động. - Liên hệ bản thân.	2,5
		d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,5
		e. Sáng tạo: Bố cục mạch lạc, lời kể sinh động, sáng tạo.	0,5

ĐỀ SỐ 15

Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi:

Chiếc smartphone (điện thoại thông minh) đã trở thành một ô cửa nhỏ dẫn người ta thoát khỏi sự buồn chán của bản thân, và cái rung nhẹ báo tin có thông báo mới của nó bao giờ cũng đầy hứa hẹn. Nhưng càng kết nối, càng online (truy cập), thì cái đám đông rộn ràng kia lại càng làm chúng ta cô đơn hơn. Chỗ này một cái like (thích), chỗ kia một cái mặt cười, khắp nơi là những câu nói cụt lủn, phần lớn các tương tác trên mạng hời hợt và vội vã. Càng bận rộn để giao tiếp nhiều thì chúng ta lại càng không có gì để nói trong mỗi giao tiếp. Ngược với cảm giác đầy đặn, được bồi đắp khi chúng ta đứng trước thiên nhiên hay một tác phẩm nghệ thuật lớn, trên mạng xã hội ta bị xáo trộn, bứt rứt, và ghen tị với cuộc sống của người khác như một người đói khát nhìn một bữa tiệc linh đình qua cửa sổ mà không thể bỏ đi. Đêm khuya, khi các chấm xanh trên danh sách friend (bạn bè) dần dần tắt, người ta cuộn lên cuộn xuống cái news feed (dòng thời gian) để hòng tìm một status (trạng

thái) bị bỏ sót, một cú rồi kéo dài vài giây, một cái nhìn qua lỗ khóa vào cuộc sống của một người xa lạ, để làm tê liệt cảm giác trống rỗng.

(Trích Bức xúc không làm ta vô can, Đặng Hoàng Giang, tr.76 – 77, NXB Hội Nhà văn, 2016)

Câu 1: Đoạn trích trên thuộc kiểu văn bản nào?

- A. Văn bản thông tin
B. Văn bản nghị luận
C. Văn bản tự sự
D. Văn bản biểu cảm

Câu 2: Trong câu *Đêm khuya, khi các chấm xanh trên danh sách friend dần dần tắt, người ta cuộn lên cuộn xuống cái news feed để hòng tìm một status bị bỏ sót, một cú rồi kéo dài vài giây, một cái nhìn qua lỗ khóa vào cuộc sống của một người xa lạ, để làm tê liệt cảm giác trống rỗng.* Cụm từ *Đêm khuya* là trạng ngữ chỉ ý nghĩa gì?

- A. Thời gian
B. Nơi chốn
C. Mục đích
D. Cách thức

Câu 3: Trong câu *Càng bận rộn để giao tiếp nhiều thì chúng ta lại càng không có gì để nói trong mỗi giao tiếp, từ giao tiếp là từ mượn của ngôn ngữ nào?*

- A. Hán Việt
B. Nhật
C. Anh
D. Pháp

Câu 4: Câu *Ngược với cảm giác đầy đặn, được bồi đắp khi chúng ta đứng trước thiên nhiên hay một tác phẩm nghệ thuật lớn, trên mạng xã hội ta bị xáo trộn, bứt rứt, và ghen tị với cuộc sống của người khác như một người đói khát nhìn một bữa tiệc linh đình qua cửa sổ mà không thể bỏ đi.* được xem là một bằng chứng trong văn bản nghị luận.

- A. Đúng
B. Sai

Câu 5: Nội dung chính của đoạn trích trên là gì?

- A. Bàn về ảnh hưởng của mạng xã hội đến đời sống tinh thần của con người.
B. Bàn về những trải nghiệm thú vị của con người khi tiếp xúc với mạng xã hội.
C. Bàn về ảnh hưởng của mạng xã hội đến đời sống vật chất của con người.
D. Bàn về những trải nghiệm buồn của con người khi tiếp xúc với mạng xã hội.

Câu 6: Từ *cụt lủn* trong câu *Chỗ này một cái like, chỗ kia một cái mặt cười, khắp nơi là những câu nói cụt lủn, phần lớn các tương tác trên mạng hời hợt và vội vã.* có nghĩa là:

- A. Quá ngắn đến mức không bình thường
B. Quá ngắn, quá ít so với yêu cầu cần có
C. Quá ngắn, trông giống như bị hụt đi
D. Ngắn, cụt đến mức thiếu hẳn đi

Câu 7: Qua đoạn trích trên, tác giả đã thể hiện thái độ gì?

- A. Coi thường
B. Chê bai
C. Phê phán
D. Chế giễu

Câu 8: Phần câu sau có nhiều vị ngữ: *trên mạng xã hội ta bị xáo trộn, bứt rứt, và ghen tị với cuộc sống của người khác như một người đói khát nhìn một bữa tiệc linh đình qua cửa sổ mà không thể bỏ đi.* Cho biết tác dụng của nó.

- A. Giúp cho việc miêu tả các trạng thái của con người khi dùng smartphone được sinh động hơn.
B. Giúp cho việc miêu tả các hành động của con người khi dùng smartphone được sinh động hơn.
C. Giúp cho việc miêu tả các tình cảm của con người khi dùng smartphone được sinh động hơn.
D. Cả ba ý trên đều đúng.

Câu 9: Em có đồng tình với ý kiến sau: *Chiếc smartphone đã trở thành một ô cửa nhỏ dẫn người ta thoát khỏi sự buồn chán của bản thân, và cái rung nhẹ báo tin có thông báo mới của nó bao giờ cũng đầy hứa hẹn?* Vì sao?

Câu 10: Hãy rút ra bài học mà em tâm đắc nhất sau khi đọc đoạn trích.

PHẦN II. VIẾT (4,0 điểm)

Em đã từng trải qua những chuyến đi xa, được khám phá và trải nghiệm biết bao thắng cảnh, di tích lịch sử văn hóa, học tập được bao điều mới lạ... Hãy kể lại trải nghiệm đáng nhớ của bản thân.

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	
	1	B	0,5
	2	A	0,5
	3	A	0,5
	4	B	0,5
	5	A	0,5
	6	D	0,5
	7	C	0,5
	8	A	0,5
	9	HS có thể lựa chọn cách trả lời <i>đồng tình/ không đồng tình</i> và lí giải hợp lí.	1,0
	10	HS có thể nêu được cụ thể bài học, ý nghĩa của bài học.	1,0
II		VIẾT	4,0
		a. <i>Đảm bảo cấu trúc bài văn tự sự</i>	0,25
		b. <i>Xác định đúng yêu cầu của đề.</i> Kể về một trải nghiệm	0,25
		c. <i>Kể lại một trải nghiệm</i> HS có thể triển khai cốt truyện theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau: * Mở bài: Cần đảm bảo có các yếu tố sau: - Dùng ngôi thứ nhất để kể. - Giới thiệu sơ lược về trải nghiệm. - Dẫn dắt chuyển ý, gợi sự tò mò, hấp dẫn với người đọc. * Thân bài Học sinh cần đảm bảo được các yếu tố sau trong bài viết: - Trình bày hoàn cảnh xảy ra câu chuyện. - Trình bày các sự việc theo trình tự hợp lý, rõ ràng. - Miêu tả chi tiết các sự việc. - Thể hiện cảm xúc của người viết đối với sự việc được kể. * Kết bài: Nêu ý nghĩa của trải nghiệm đối với bản thân.	2.5
		d. <i>Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0.5
		e. <i>Sáng tạo: Bố cục mạch lạc, lời kể sinh động, sáng tạo.</i>	0.5

ĐỀ SỐ 16:**I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

[1] *Thực ra, hoàn cảnh là một bức tranh không màu, nó đen tối hay tươi sáng là do chính bạn lựa chọn màu vẽ. Trong bất cứ hoàn cảnh nào, chúng ta luôn có nhiều hơn một sự lựa chọn!*

[2] *Cuộc sống có thể cho bạn muối mặn, nhưng lựa chọn bỏ ngay vào miệng để nhận lấy sự đắng chát hay bỏ vào chén canh nhạt để có món canh thơm ngon là do bạn. Con người có thể cho bạn sự trọng vọng hay khinh rẻ, bạn có thể lựa chọn đón nhận hay phớt lờ. Số phận ban cho cô đại sự chà đạp, xa lánh của con người, tuy nhiên, số phận cũng để cho cô đại lựa chọn nở hoa hay héo úa. Và bạn đã biết, cô đại lựa chọn điều gì. Rõ ràng, bạn luôn có quyền lựa chọn thái độ sống cho mình, chỉ là đôi khi, bạn lười biếng lựa chọn và để cho số phận kéo đi.*

(Đến cô đại còn đang hoang mang mà sống..., Phạm Sỹ Thanh, NXB Thế giới, 2019, Tr.46-47)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn văn trên.

- A. Tự sự C. Nghị luận
B. Miêu tả D. Biểu cảm

Câu 2. Văn bản trên có đặc điểm nào nổi bật nhất về kiểu văn bản?

- A. Có hình ảnh sinh động C. Có từ ngữ giàu cảm xúc
B. Có lí lẽ thuyết phục D. Có nhân vật cụ thể.

Câu 3. Từ “kéo” trong câu “Rõ ràng, bạn luôn có quyền lựa chọn thái độ sống cho mình, chỉ là đôi khi, bạn lười biếng lựa chọn và để cho số phận kéo đi” đồng âm với từ “kéo” nào trong các trường hợp sau?

- A. Học sinh đang chơi kéo co ngoài sân.
B. Cái kéo mẹ em mới mua sắc quá.
C. Ngoài đồng chú trâu đang kéo cày.
D. Mọi người kéo nhau đi xem phim.

Câu 4. Từ “miệng” là loại từ gì trong hai ví dụ sau:

- Cuộc sống có thể cho bạn muối mặn, nhưng lựa chọn bỏ ngay vào **miệng** để nhận lấy sự đắng chát hay bỏ vào chén canh nhạt để có món canh thơm ngon là do bạn.

- **Miệng** chai này bé xiu.

- A. Từ đồng âm C. Từ đồng nghĩa
B. Từ trái nghĩa D. Từ đa nghĩa

Câu 5. Từ “trọng vọng” trong đoạn trích có nghĩa là gì?

- A. Tôn trọng C. Quý mến
B. Khinh rẻ D. Yêu thương.

Câu 6. Xác định chủ đề của đoạn trích

- A. Quyền được vui chơi giải trí của con người. C. Quyền được lựa chọn thái độ sống của mỗi người.
B. Quyền được yêu thương, chăm sóc của con người. D. Quyền được bảo vệ thân thể, nhân phẩm của con người.

Câu 7. Nội dung của đoạn “Thực ra, hoàn cảnh là một bức tranh không màu, nó đen tối hay tươi sáng là do chính bạn lựa chọn màu vẽ. Trong bất cứ hoàn cảnh nào, chúng ta luôn có nhiều hơn một sự lựa chọn!” là:

- A. Cuộc sống của mỗi người luôn phụ thuộc vào người khác.
B. Mỗi người có quyền lựa chọn cuộc sống có ý nghĩa cho mình.
C. Cuộc sống của mỗi người cần có sự giúp đỡ vô điều kiện.
D. Cuộc sống của mỗi người là do số phận quyết định tất cả.

Câu 8. Xác định biện pháp tu từ được sử dụng trong câu sau: “Cuộc sống có thể cho bạn muối mặn, nhưng lựa chọn bỏ ngay vào miệng để nhận lấy sự đắng chát hay bỏ vào chén canh nhạt để có món canh thơm ngon là do bạn.”

- A. Ẩn dụ C. Nhân hóa
B. Hoán dụ D. So sánh.

Câu 9. Em có đồng ý với ý kiến “Trong bất cứ hoàn cảnh nào, chúng ta luôn có nhiều hơn một sự lựa chọn!” không? Vì sao?

Câu 10. Em rút ra bài học gì cho bản thân từ phần trích trên?

II. VIẾT (4,0 điểm)

Viết bài văn kể lại một trải nghiệm đáng nhớ của bản thân.

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0

	1	C	0,5
	2	B	0,5
	3	B	0,5
	4	D	0,5
	5	A	0,5
	6	C	0,5
	7	B	0,5
	8	A	0,5
	9	Học sinh nêu được quan điểm riêng của bản thân: đồng ý/không đồng ý. - Học sinh lí giải phù hợp * Đồng ý: + Trong cuộc đời, có nhiều hoàn cảnh sống khác nhau, có người suy nghĩ tích cực, sống tốt thì cuộc sống trở nên tươi sáng. * Không đồng ý: + Họ bắt buộc phải sống theo hoàn cảnh và số phận đó, họ không có sự lựa chọn nào khác.	0,25 0,75
	10	Học sinh nêu được cụ thể bài học rút ra từ văn bản: + Có thái độ sống tích cực, lạc quan. + Cần có ý thức vươn lên trong cuộc sống, làm cho cuộc sống có ý nghĩa hơn...	1,0
II		VIẾT	4,0
		a. Đảm bảo cấu trúc bài văn tự sự	0,25
		b. Xác định đúng yêu cầu của đề. Kể lại một trải nghiệm đáng nhớ của bản thân.	0,25
		c. Kể lại trải nghiệm đáng nhớ của bản thân. HS kể lại trải nghiệm đáng nhớ của bản thân theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau: - Sử dụng ngôi kể thứ nhất. - Giới thiệu được trải nghiệm đáng nhớ của bản thân - Trình bày chi tiết về thời gian, không gian, hoàn cảnh xảy ra câu chuyện. - Trình bày chi tiết những nhân vật liên quan. - Trình bày các sự việc theo trình tự hợp lý, rõ ràng. - Kết hợp kể và miêu tả, biểu cảm. - Ý nghĩa của trải nghiệm đối với bản thân	3,0
		d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,25
		e. Sáng tạo: Bố cục mạch lạc, lời kể sinh động, sáng tạo, bài viết lôi cuốn, hấp dẫn.	0,25

ĐỀ SỐ 17:**I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)****Đọc đoạn trích và trả lời các câu hỏi:**

(1) Tri thức là vô hạn nên chẳng ai có thể biết được tất cả một cách toàn diện và chắc chắn cả. (2) Vì vậy, hãy không ngừng tìm kiếm và học hỏi về những điều mình chưa biết.

(3) Cuộc sống luôn ẩn chứa những bài học mà chúng ta cần nắm bắt để trau dồi và hoàn thiện mình hơn.

(4) Bức tranh đẹp nhất luôn là tác phẩm mà chưa người họa sĩ nào hoàn thành. (5) Vì vậy, hãy cứ mạnh dạn vẽ nên bức tranh ấy.
 (6) Kỹ lục thể thao vĩ đại nhất là kỹ lục chưa được tạo lập, do đó, hãy biết ước mơ làm nên những việc lớn.
 (7) Hãy sống mỗi ngày như thế đó, đó là ngày cuối cùng ta được sống trên thế gian này.
 (8) Khi từ giã cõi đời, con người ta thường không hối tiếc về những điều mà mình làm, mà lại tiếc nuối về những điều chưa làm được. (9) Hãy sống sao cho khi mất đi, ta có thể mỉm cười mãn nguyện.
 (10) Cuối cùng, tôi phải thú nhận rằng tôi chẳng hiểu mấy về những cấu trúc nguyên tử hình thành nên vật chất và con người. (11) Điều tôi biết, chỉ đơn giản, kết quả của sự kết hợp tế bào, nhiễm sắc thể, gen di truyền... phức tạp ấy từng là con người rất khác nhau. (12) Và rằng, sự có mặt của mỗi người chúng ta trên thế giới này đều có một ý nghĩa nhất định nào đó. (13) Một khi thời gian sống của ta không còn nữa, chẳng ai khác có thể lấp được khoảng trống mỗi chúng ta để lại phía sau mình.
 (14) Xuất phát của chúng ta về mặt sinh học có thể giống nhau, nhưng mỗi người có quyền và khả năng riêng để tạo sự khác biệt độc đáo cho mình. (15) Đó sẽ là điều gì thì tùy vào chính bạn.

(Trích “Hạt giống tâm hồn”, NXB Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh, tr.140,141)

Câu 1. Đoạn trích trên thuộc kiểu văn bản nào?

- A. Tự sự
- B. Miêu tả
- C. Nghị luận
- D. Biểu cảm

Câu 2. Tìm trong đoạn trích lí do tác giả khuyên: “hãy không ngừng tìm kiếm và học hỏi về những điều mình chưa biết”?

- A. Tri thức là vô hạn nên chẳng ai có thể biết được tất cả một cách toàn diện và chắc chắn cả.
- B. Cuộc sống luôn ẩn chứa những bài học mà chúng ta cần nắm bắt để trau dồi và hoàn thiện mình hơn.
- C. Hãy sống sao cho khi mất đi, ta có thể mỉm cười mãn nguyện.
- D. Hãy sống mỗi ngày như thế đó, đó là ngày cuối cùng ta cùng được sống trên thế gian này.

Câu 3. Trong các từ sau đây, từ nào là từ ghép?

- A. Độc đáo.
- B. Học hỏi.
- C. Chắc chắn.
- D. Rì rào.

Câu 4. Đoạn trích trên bàn về vấn đề gì?

- A. Ý thức chia sẻ, giúp đỡ mọi người.
- B. Ý thức học hỏi, vươn lên trong cuộc sống.
- C. Ý thức tham gia hoạt động tập thể.
- D. Ý thức làm những điều tốt đẹp.

Câu 5. Trạng ngữ trong câu văn (8) được dùng để làm gì?

- A. Chỉ nguyên nhân.
- B. Chỉ thời gian.
- C. Chỉ mục đích.
- D. Chỉ phương tiện.

Câu 6. Dòng nào dưới đây **không** diễn tả đúng lí do tác giả cho rằng: *cuộc sống luôn ẩn chứa những bài học mà chúng ta cần nắm bắt*?

- A. Vì cuộc sống luôn chứa đựng những điều kì diệu.
- B. Vì thực tế cuộc sống sẽ giúp chúng ta trải nghiệm và trưởng thành.
- C. Vì cuộc sống luôn thay đổi và phát triển.
- D. Vì các vấn đề trong cuộc sống là nhẹ nhàng và đơn giản.

Câu 7. Em hiểu như thế nào về nghĩa của từ “kỹ lục” trong câu ?

- A. Mức thành tích cao nhất từ trước tới nay chưa ai đạt được.
- B. Mức thành tích cao nhất trong một cuộc thi.
- C. Mức thành tích nhiều người đạt được.
- D. Kết quả làm hài lòng nhiều người.

Câu 8. Ngụ ý của tác giả trong câu văn (7) là gì?

- A. Hãy luôn hưởng thụ cuộc sống mỗi ngày.
- B. Hãy sống biết yêu thương và chia sẻ.
- C. Sống vui vẻ, thoải mái mỗi ngày.
- D. Hãy sống tích cực, cống hiến hết mình trong mỗi ngày.

Câu 9. Em có đồng ý với ý kiến “mỗi người có quyền và khả năng riêng để tạo sự khác biệt độc đáo cho mình” không? Vì sao?

Câu 10. Em rút ra bài học gì cho bản thân từ đoạn trích trên?

II. VIẾT (4,0 điểm)

Viết bài văn kể lại một trải nghiệm đáng nhớ của bản thân.

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	C	0,5
	2	A	0,5
	3	B	0,5
	4	B	0,5
	5	B	0,5
	6	D	0,5
	7	A	0,5
	8	D	0,5
	9	- Học sinh nêu được quan điểm riêng của bản thân: đồng ý/ không đồng ý. - Lí giải phù hợp.	0,25 0,75
	10	Học sinh nêu được cụ thể bài học rút ra từ văn bản.	1,0
II		VIẾT	4,0
		a. Đảm bảo cấu trúc bài văn tự sự: Có đầy đủ các phần: Mở bài, Thân bài, Kết bài.	0,25
		b. Xác định đúng yêu cầu của đề bài. Kể lại một trải nghiệm đáng nhớ của bản thân.	0,25
		c. Kể lại trải nghiệm đáng nhớ của bản thân. HS kể lại trải nghiệm đáng nhớ của bản thân theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau: - Sử dụng ngôi kể thứ nhất. - Giới thiệu được trải nghiệm đáng nhớ của bản thân. - Trình bày chi tiết về thời gian, không gian, hoàn cảnh xảy ra câu chuyện. - Trình bày chi tiết những nhân vật liên quan. - Trình bày các sự việc theo trình tự hợp lý, rõ ràng. - Kết hợp kể và miêu tả, biểu cảm. - Ý nghĩa của trải nghiệm đối với bản thân	2,5
		d. Chính tả, ngữ pháp: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,5
		e. Sáng tạo: Bố cục mạch lạc, lời kể sinh động, sáng tạo, bài viết lôi cuốn, hấp dẫn.	0,5

ĐỀ SỐ 18:

Phần I. Đọc- hiểu (6,0 điểm)

Đọc ngữ liệu sau rồi thực hiện các yêu cầu bên dưới:

“.....Mới đây các giáo sư tâm lí học ở Trường Đại học York và Toronto đã tìm ra những bằng chứng để chứng minh rằng: Đọc sách văn học thực sự giúp con người trở nên thông minh và tốt tính hơn.

Những nghiên cứu của các giáo sư đã cho thấy những người thường xuyên đọc sách văn học thường có khả năng thấu hiểu, cảm thông và nhìn nhận sự việc từ nhiều góc độ. Ngược lại những cá nhân có khả năng thấu cảm tốt cũng thường lựa chọn sách văn học để đọc.

Sau khi đã tìm thấy mối liên hệ hai chiều ở đối tượng độc giả là người lớn, các nhà nghiên cứu tiếp tục tiến hành với trẻ nhỏ và nhận thấy những điều thú vị, rằng những trẻ được đọc nhiều sách truyện thường có cách ứng xử ôn hòa, thân thiện hơn, thậm chí trở thành những đứa trẻ được yêu mến nhất trong nhóm bạn.

(Trích Đọc sách văn học giúp chúng ta thông minh hơn- Dân trí)

Câu 1. Ngữ liệu trên được viết theo phương thức biểu đạt chính nào?

- A. Miêu tả. C. Tự sự.
B. Biểu cảm. D. Nghị luận.

Câu 2. Ngữ liệu trên bàn về vấn đề gì?

- A. Đọc sách văn học C. Đứng sợ vấp ngã
B. Tinh thần tự học D. Tôn sư trọng đạo

Câu 3. Việc đọc sách không có tác dụng gì?

- A. Giúp con người trở nên thông minh và tốt tính.
B. Có khả năng thấu hiểu, cảm thông và nhìn nhận sự việc từ nhiều góc độ.
C. Có cách ứng xử ôn hòa, thân thiện hơn.
D. Trở thành những đứa trẻ không được yêu mến nhất.

Câu 4. Hãy nêu chính xác tên một cuốn sách văn học?

- A. Các triều đại Việt Nam C. Câu chuyện đại số
B. Hạt giống tâm hồn D. Nguồn gốc các loài

Câu 5. “Thấu cảm” là từ Hán Việt đúng hay sai?

- A. Đúng B. Sai

Câu 6. “Sau khi đã tìm thấy mối liên hệ hai chiều ở đối tượng độc giả là người lớn” giữ chức vụ gì trong câu?

- A. Chủ ngữ C. Trạng ngữ
B. Vị ngữ D. Bổ ngữ

Câu 7. Câu “Ngược lại những cá nhân có khả năng thấu cảm tốt cũng thường lựa chọn sách văn học để đọc.” có mấy cụm danh từ?

- A. Một cụm C. Ba cụm
B. Hai cụm D. Không có cụm nào

Câu 8. Nghĩa của từ “độc giả” là:

- A. Người viết C. Người đọc
B. Người xem D. Người nghe

Trả lời các câu hỏi sau (từ câu số 9 đến câu số 11):

Câu 9. (0.5 điểm) Em có nhận xét gì về văn hóa đọc sách của giới trẻ Việt Nam(đặc biệt là giới học sinh) trong thời đại bùng nổ công nghệ thông tin hiện nay?

Câu 10: (0.5 điểm) Thông điệp mà tác giả gửi gắm qua đoạn trích?

Câu 11: (1.0 điểm) Rút ra bài học kinh nghiệm cho bản thân?

Phần II. Viết (4.0 điểm)

Em hãy viết bài văn kể lại chuyến đi đáng nhớ của em.

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6.0
	1	D	0.5
	2	A	0.5

	3	D	0.5
	4	B	0.5
	5	A	0.5
	6	C	0.5
	7	B	0.5
	8	C	0.5
	9	<p>Em có nhận xét gì về văn hóa đọc sách của giới trẻ Việt Nam (đặc biệt là giới học sinh) trong thời đại bùng nổ công nghệ thông tin hiện nay?</p> <p>+ Giới trẻ hiện nay còn thờ ơ với việc đọc sách, chưa có thói quen đọc sách, không dành thời gian để đọc sách.</p> <p>+ Giới trẻ không mặn mà với các loại sách văn học, không quan tâm và không biết đến các tác phẩm văn học kinh điển nổi tiếng của Việt Nam và thế giới.</p> <p>+ Một số học sinh đọc theo phong trào, chưa xác định được mục đích đúng đắn của việc đọc sách.</p> <p>+ Đọc sách chưa có sự lựa chọn, một số còn lựa chọn “<i>sách đen</i>”(Sách tuyên truyền văn hóa phẩm đồi trụy, sách có nội dung bạo lực ...) để đọc, tiêm nhiễm vào đầu óc những tư tưởng thiếu trong sáng, lành mạnh.</p> <p>+ Nhiều người trẻ cho rằng đọc sách thời nay là lạc hậu vì ở thời đại công nghệ thông tin phát triển như vũ bão hiện nay lên mạng đọc nhanh và dễ hơn.</p> <p>+ Xu hướng đọc theo cách “ <i>mì ăn liền</i>”, đọc nhanh , đọc ngắn và ít có thời gian suy ngẫm đang là trào lưu thịnh hành của giới trẻ.</p> <p>+ Giới trẻ hiện nay hờ hững với văn hóa đọc vì điện thoại và Internet. Nói cách khác văn hóa đọc của giới trẻ hiện nay đang bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi sự bùng nổ thông tin, với sự xuất hiện của các loại hình đa phương tiện ...v.v..</p> <p>- Lưu ý: HS chỉ cần nêu được 2 nhận xét là cho điểm tối đa (0.5đ).</p>	0.5
	10	<p>Thông điệp mà tác giả gửi gắm qua đoạn trích?</p> <p>- Thông điệp: Từ việc khẳng định đọc sách văn học mang lại rất nhiều lợi ích tác giả đã đưa ra lời đề nghị về phong trào đọc sách và nâng cao ý thức đọc sách ở mọi người.</p>	0.5
	11	<p>Rút ra bài học kinh nghiệm cho bản thân</p> <p>- Cần có phương pháp đọc để có thể hiểu được thông điệp mà tác giả muốn truyền tải qua cuốn sách.</p> <p>- Dành ra thời gian mỗi ngày để đọc sách, vừa giúp chúng ta nâng cao hiểu biết và giúp thư giãn sau một ngày học tập và làm việc căng thẳng,</p> <p>- Đọc sách văn học giúp con người tới cái chân- thiện- mỹ.</p> <p>- Biết chọn đọc những quyển sách văn học hay và bổ ích, có giá trị bồi dưỡng tâm hồn và phù hợp với lứa tuổi của các em...</p> <p>- Lưu ý: HS có thể diễn đạt khác nhưng vẫn đảm bảo 2 ý và thuyết phục, vẫn cho điểm tối đa.</p>	1.0
II		VIẾT	4.0
		a. Đảm bảo cấu trúc bài văn tự sự, bố cục rõ ràng.	0.25
		<p>b. Xác định đúng yêu cầu của đề, sử dụng ngôi kể thứ nhất, diễn đạt trong sáng, đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt.</p> <p>c. Đảm bảo nội dung: Kể lại một trải nghiệm đáng nhớ của em trong năm học.</p> <p>HS có thể triển khai cốt truyện theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu</p>	0.25

	cầu sau: - Dẫn dắt, giới thiệu trải nghiệm. - Các sự kiện chính trong trải nghiệm: hoàn cảnh, bắt đầu, diễn biến, kết thúc. + Giới về hoàn cảnh trải nghiệm: Thời gian cụ thể, không gian xảy ra trải nghiệm, các đối tượng tham gia trải nghiệm cùng em,... + Trải nghiệm đó bắt đầu bằng hoạt động nào? + Những điều gì đã xảy ra sau đó? Có gì đó đặc biệt khác với mọi ngày dẫn đến việc em có một trải nghiệm khó quên? Em đã làm gì để giải quyết tình huống đó? + Kết thúc trải nghiệm ra sao? - Trải nghiệm đó đã để lại bài học, tác động đến em và mọi người xung quanh như thế nào? - Kết đọng lại cảm xúc, mong ước,... của em sau trải nghiệm.	0.25 2.0 0.5 0.25
	<i>d. Sáng tạo: Câu chuyện có tình huống bất ngờ, hấp dẫn; lời kể sinh động...</i>	0.5

ĐỀ SỐ 19

I. Đọc - Hiểu văn bản và trả lời các câu hỏi.

Quốc dân Việt Nam!

Khi xưa Pháp cai trị nước ta, chúng thi hành chính sách ngu dân. Chúng hạn chế mở trường học, chúng không muốn cho dân ta biết chữ để dễ lừa dối dân ta và bóc lột dân ta.

Số người Việt Nam thất học so với số người trong nước là 95 phần trăm, nghĩa là hầu hết người Việt Nam mù chữ. Như thế thì tiến bộ làm sao được?

Nay chúng ta đã giành được quyền độc lập. Một trong những công việc phải thực hiện cấp tốc trong lúc này, là nâng cao dân trí.

Chính phủ đã ra hạn trong một năm, tất cả mọi người Việt Nam đều phải biết chữ quốc ngữ. Chính phủ đã lập một Nha Bình dân học vụ để trông nom việc học của dân chúng.

Quốc dân Việt Nam!

Muốn giữ vững nền độc lập,

Muốn làm cho dân mạnh nước giàu,

Mọi người Việt Nam phải hiểu biết quyền lợi của mình, bổn phận của mình, phải có kiến thức mới để có thể tham gia vào công cuộc xây dựng nước nhà, và trước hết phải biết đọc, biết viết chữ quốc ngữ.

Những người đã biết chữ hãy dạy cho những người chưa biết chữ, hãy góp sức vào bình dân học vụ, như các anh chị em trong sáu, bảy năm nay đã gây phong trào truyền bá quốc ngữ, giúp đồng bào thất học.

Những người chưa biết chữ hãy gắng sức mà học cho biết đi. Vợ chưa biết thì chồng bảo, em chưa biết thì anh bảo, cha mẹ không biết thì con bảo, người ăn người làm không biết thì chủ nhà bảo, các người giàu có thì mở lớp học ở tư gia dạy cho những người không biết chữ ở hàng xóm láng giềng, các chủ ấp, chủ đồn điền, chủ hầm mỏ, nhà máy thì mở lớp học cho những tá điền, những người làm của mình.

Phụ nữ lại càng cần phải học, đã lâu chị em bị kìm hãm, đây là lúc chị em phải cố gắng để kịp nam giới, để xứng đáng mình là một phần tử trong nước, có quyền bầu cử và ứng cử.

Công việc này, mong anh chị em thanh niên sốt sắng giúp sức.

Câu 1. Văn bản trên được viết theo kiểu văn bản nào?

- A. Tự sự
 B. Miêu tả
 C. Thuyết minh
 D. Nghị luận

Câu 2. Nội dung chính của văn bản trên là gì?

- A. Kêu gọi nhân dân cùng nhau đánh giặc.

- B. Kêu gọi nhân dân cùng nhau chống nạn thất học.
- C. Kêu gọi nhân dân cùng nhau xây dựng đất nước.
- D. Kêu gọi nhân dân chống lại những hủ tục phong kiến.

Câu 3. Sau khi giành được độc lập, nhiệm vụ cấp tốc mà chúng ta phải thực hiện ngay là nhiệm vụ nào?

- A. Nâng cao dân trí
- B. Chống thù trong giặc ngoài
- C. Xây dựng nếp sống văn hoá
- D. Xóa bỏ hủ tục lạc hậu

Câu 4. Trong các từ sau, từ nào là từ Hán Việt?

- A. Quốc dân
- B. Phụ nữ
- C. Tư gia
- D. Người làm

Câu 5. Tại sao thực dân Pháp lại thực hiện “chính sách ngu dân” với người Việt?

- A. Không tốn kém kinh phí để mở trường, lớp.
- B. Muốn tập trung vào khai thác thuộc địa.
- C. Dễ lừa dối dân ta và bóc lột dân ta.
- D. Hệ thống giáo dục chưa phát triển.

Câu 6. Theo tác giả, vì sao phụ nữ cần phải học?

- A. Để xứng đáng mình là một phần tử trong nước, có quyền bầu cử và ứng cử.
- B. Để mở mang tầm hiểu biết của bản thân, xã hội tôn trọng.
- C. Để nuôi dạy con cái và tham gia các công việc xã hội.
- D. Để không bị áp bức, đè nén trong xã hội.

Câu 7. Thế nào là “chính sách ngu dân”?

- A. Mở rộng phạm vi khai thác, bóc lột nhân dân trên mọi lĩnh vực: kinh tế, văn hóa, giáo dục.
- B. Kìm hãm, không cho sự phát triển dân trí, làm cho dân luôn trong vòng mù muội, dốt nát để dễ bề cai trị.
- C. Kìm hãm sự phát triển văn hóa của dân tộc, không cho nhân dân giao lưu giữa các địa phương.
- D. Tuyên truyền văn hóa mê tín dị đoan, ma chay, cưới hỏi tốn kém, làm cho nhân dân ngày càng khốn khổ.

Câu 8. Tác giả đã sử dụng biện pháp tiêu biểu nào trong đoạn trích sau:

“Muốn giữ vững nền độc lập,

Muốn làm cho dân mạnh nước giàu,

Mọi người Việt Nam phải hiểu biết quyền lợi của mình, bổn phận của mình, phải có kiến thức mới để có thể tham gia vào công cuộc xây dựng nước nhà, và trước hết phải biết đọc, biết viết chữ quốc ngữ.”

- A. Nói quá
- B. Nói giảm nói tránh
- C. Điệp từ
- D. So sánh

Câu 9. Tác giả muốn gửi đến người đọc lời nhắn nhủ gì?

Câu 10. Hãy viết một đoạn văn khoảng 5-7 câu nói về bổn phận và trách nhiệm của em với dân tộc mình khi còn ngồi trên ghế nhà trường.

II. VIẾT: (4.0 điểm)

Viết bài văn kể lại một truyện cổ tích Việt Nam bằng lời văn của em.

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	D	0,5
	2	B	0,5
	3	A	0,5
	4	D	0,5
	5	C	0,5
	6	A	0,5
	7	B	0,5
	8	C	0,5
	9	HS xác định được điều Bác Hồ muốn nhấn nhủ là muốn giữ vững được nền độc lập thì chúng ta phải thực hiện nhiệm vụ cấp bách là nâng cao dân trí, mọi tầng lớp, lứa tuổi trong xã hội phải ra sức học tập.	1,0
	10	HS nêu được bốn phận, trách nhiệm của người học sinh theo cách riêng. Có thể hướng tới các bài học sau: + Chăm chỉ học hành để rèn đức, luyện tài. + Nghe lời cha mẹ và thầy cô + Làm những công việc vừa sức + Yêu thương và giúp đỡ người khác. <i>Lưu ý:</i> Học sinh nêu được 1 bài học cho 0,5 2 bài học cho 0,75 điểm. Nếu từ 3 bài học trở lên cho tối đa.	1,0
II		VIẾT	4,0
		a. <i>Đảm bảo cấu trúc bài văn tự sự.</i> Viết bài văn kể lại một truyện cổ tích bằng lời văn của em. + Đảm bảo bố cục 3 phần. + Kể lại một truyện cổ tích Việt Nam. + Lựa chọn ngôi kể phù hợp: ngôi thứ 3	0,25
		b. <i>Xác định đúng yêu cầu của đề:</i> Kể lại câu chuyện cổ tích Việt Nam bằng lời văn của em.	0,25
		c. <i>Đảm bảo các nội dung:</i> Kể lại diễn biến câu chuyện. - Xuất thân của các nhân vật trong câu chuyện. - Hoàn cảnh diễn ra câu chuyện. - Diễn biến chính của câu chuyện: Sự việc 1... Sự việc 2... Sự việc 3... Hướng dẫn chấm + <i>Mức từ 2- 2,5 điểm:</i> Lựa chọn được câu chuyện có nội dung sâu sắc, hấp dẫn, kể chuyện theo ngôi thứ 3, các sự việc chi tiết, rõ ràng, được sắp xếp theo trình tự hợp lí, hấp dẫn + <i>Mức từ 1-1,75 điểm:</i> Lựa chọn được câu chuyện có ý nghĩa, kể chuyện theo ngôi thứ 3, các sự việc rõ ràng, trình tự hợp lí + <i>Mức từ 0,25-0,75 điểm:</i> Lựa chọn được câu chuyện để kể nhưng chưa rõ ràng, nội dung sơ sài, sự việc chưa được sắp xếp hợp lí.	2,5

	+ <i>Mức 0 điểm: Chưa có chuyện để kể hoặc học sinh kể một câu chuyện khác với yêu cầu của đề bài.</i>	
	d. <i>Chính tả, ngữ pháp:</i> Chữ viết cẩn thận, rõ ràng, bài văn trình bày sạch sẽ, không mắc lỗi chính tả, lỗi diễn đạt.	0,5
	e. <i>Sáng tạo:</i> Nhận thức sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt sáng tạo.	0,5

ĐỀ SỐ 20

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:

Nước là một nhà du hành vĩ đại không ngừng thay đổi hình dạng. Nó rời khỏi biển ở thể lỏng rồi lại xuất hiện trong không khí ở thể khí, sau đó rơi xuống dưới dạng băng trên các ngọn núi. Tại đó, cuộc du hành của nước tiếp tục, nó trở lại thể lỏng, chảy trong các dòng sông lớn nhỏ, rồi lại đổ ra biển, điểm xuất phát ban đầu. Trong suốt vòng tuần hoàn này, nước đều có ích cho các sinh thể. Nước là thành phần cơ bản tạo nên các loài thực vật và động vật, trong đó có con người chúng ta, và chúng ta không thể sống thiếu nước. Chúng ta sử dụng nước từng giây từng phút, để uống, tưới tiêu, sản xuất điện,... Nước thật quý giá!

(Nhiều tác giả, Bách khoa thư thế hệ mới, NXB Dân trí, Hà Nội, 2017, tr. 28)

Câu 1: Vấn đề chính được nói đến trong đoạn trích là gì?

Câu 2: Tại sao nước lại được ví với “một nhà du hành vĩ đại”?

Câu 3: Em hiểu thế nào về nội dung của câu “Nước là thành phần cơ bản tạo nên các loài thực vật và động vật, trong đó có con người chúng ta.”?

Câu 4: Trong vòng tuần hoàn của mình, nước đã từng tồn tại ở những dạng/ thể nào? Hãy nêu suy luận của em về tầm quan trọng của băng tồn tại trên các đỉnh núi cao và ở hai đầu địa cực (Bắc Cực và Nam Cực).

Câu 5: Nước có tầm quan trọng như thế nào đối với sự sống?

Câu 6: “Nước thật quý giá!” - câu kết của đoạn trích có thể gợi lên trong em những suy nghĩ gì?

Câu 7: Câu nào có thể được xem là câu chủ đề của đoạn trích?

Câu 8: Nêu nhận xét về cách triển khai vấn đề của đoạn trích (chú ý sự phát triển tiếp nối giữa 3 câu đầu và 4 câu sau).

Gợi ý:

Câu 1: Vấn đề chính được nói tới trong đoạn trích là hành trình của nước trên Trái Đất và vai trò của nước đối với sự sống nói chung, con người nói riêng.

Câu 2: Nước được ví với “một nhà du hành vĩ đại” vì nó có một hành trình không ngừng nghỉ, luôn chuyển hoá từ dạng/ thể này sang dạng/ thể khác.

Câu 3: Câu “Nước là thành phần cơ bản tạo nên các loài thực vật, động vật, trong đó có con người chúng ta.” muốn nói đến tỉ trọng lớn của nước trong cơ thể mọi sinh vật.

Câu 4: Trong vòng tuần hoàn của mình, nước đã từng tồn tại dưới các dạng/ thể: lỏng, khí, băng. Như vậy, khối lượng băng tồn tại trên các đỉnh núi cao và ở hai đầu địa cực có thể được xem là một nguồn tài nguyên nước vô cùng quan trọng.

Câu 5: Tầm quan trọng của nước đối với sự sống: tạo dung môi thích hợp cho sự tồn tại và sinh trưởng của muôn loài; là thành phần cấu tạo không thể thiếu của mọi cơ thể sinh vật.

Câu 6: Câu kết của đoạn trích (Nước thật quý giá!) ngầm chứa lời kêu gọi bảo vệ tài nguyên nước, không sử dụng lãng phí nước, giữ sạch nguồn nước,...

Câu 7: Câu có thể được xem là câu chủ đề của đoạn trích: Nước là một nhà du hành vĩ đại không ngừng thay đổi hình dạng.

Câu 8: Cách triển khai vấn đề của đoạn trích: thoát đầu, đoạn trích nói về vòng tuần hoàn của nước, tiếp đó, chuyển sang ý nói về ích lợi của nước đối với đời sống của muôn loài, trong đó có con người. Với cách triển khai này, đoạn trích vừa làm sáng tỏ được ý nghĩa của hình tượng “nhà du hành/ vừa nêu bật được vai

trò “vĩ đại” của nước - tức là những điều được song song gợi lên ngay trong câu chủ đề.

ĐỀ SỐ 21

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:

Chúng ta hãy bắt đầu từ một cảnh bất kì của cây sự sống này. Đi từ cảnh này đến cảnh khác, từ nhánh này đến nhánh kia, bạn sẽ luôn thấy một con đường dẫn tới thân cây chính. Cách đây khoảng 500 triệu năm, tổ tiên của tôi là một con cá. Trở lại thời gian 1 tỉ rưỡi năm: tổ tiên của tôi là một vi khuẩn. Trên thực tế, tất cả chúng ta đều là hậu duệ của cùng một và chỉ một sinh vật, một tế bào nguyên thủy cách đây khoảng 3,8 tỉ năm. Sự sống đã nảy nở trong một quá khứ rất xa xôi từ một và chỉ một sự kiện. Từ một tổ tiên chung, ở gốc của cây sự sống, nó đã đa dạng hoá theo thời gian bằng các phân nhánh liên tiếp với sự xuất hiện của những loài mới. Thân cây sự sống đã lớn lên theo chiều dọc, nhưng các cành, nhánh cũng ra đời để tạo cho nó một sự phát triển theo bề ngang. Nếu một số loài phát triển và sinh sôi nảy nở, thì nhiều loài khác, như chim cu lười hoặc khủng long, đã không còn sống sót. Hơn 99% số loài xuất hiện trên Trái Đất đã tuyệt chủng. Chúng là các cành thấp của cây sự sống, và đã bị cắt cụt.

(Trịnh Xuân Thuận, Từ điển yêu thích bầu trời và các vì sao, NXB Tri thức, Hà Nội, 2015, tr. 600)

Câu 1: Trong đoạn trích, cụm từ nào được dùng lặp lại nhiều lần và có vị trí nổi bật nhất? Vì sao nó lại được dùng như vậy?

Câu 2: Tác giả muốn nói điều gì trong câu “Đi từ cảnh này đến cảnh khác, từ nhánh này đến nhánh kia, bạn sẽ luôn thấy một con đường dẫn tới thân cây chính.”?

Câu 3: Từng con số 3,8 tỉ năm, 1 tỉ rưỡi năm, 500 triệu năm cho biết điều gì về sự phát triển của sự sống trên Trái Đất?

Câu 4: Phân tích điều tác giả muốn nhấn mạnh khi dùng các từ tổ tiên, hậu duệ trong các câu 3, 4, 5 của đoạn trích.

Câu 5: Tác giả đã giải thích như thế nào về việc hơn 99% số loài xuất hiện trên Trái Đất đã tuyệt chủng?

Câu 6: Hãy đánh giá sức hấp dẫn trong cách trình bày các thông tin khoa học của tác giả được thể hiện qua đoạn trích.

Câu 7: Chỉ ra mối quan hệ giữa câu thứ 2 với toàn bộ các câu 3, 4, 5, 6 trong đoạn trích.

Câu 8: Theo cảm nhận của em, những từ nào có “tuổi đời” trẻ hơn cả trong số các từ mượn được sử dụng trong đoạn trích? Vì sao em có cảm nhận như vậy?

GỢI Ý:

Câu 1: Cây sự sống là cụm từ được lặp lại nhiều lần và có vị trí nổi bật nhất trong đoạn trích. Khi nhắc tới nó thường xuyên, tác giả muốn dựng lên một hình ảnh cụ thể, giúp người đọc dễ dàng hình dung về quá trình hình thành và phát triển của sự sống cũng như mối quan hệ giữa tất cả các đối tượng làm nên sự sống đó.

Câu 2: Với câu “Đi từ cảnh này đến cảnh khác, từ nhánh này đến nhánh kia, bạn sẽ luôn thấy một con đường dẫn tới thân cây chính”, tác giả muốn nhấn mạnh rằng các loài trên Trái Đất dù xa cách và khác nhau bao nhiêu thì cũng đều có chung một nguồn gốc.

Câu 3: Các con số 3,8 tỉ năm, 1 tỉ rưỡi năm, 500 triệu năm cho biết các mốc phát triển của sự sống, đi từ một tế bào nguyên thủy, tới một vi khuẩn rồi sau đó mới tới “một con cá”, trước khi có sự nảy nở phong phú của muôn loài như hiện nay.

Câu 4: Khi dùng các từ tổ tiên, hậu duệ trong các câu 3, 4, 5, tác giả muốn khẳng định một lần nữa nguồn gốc chung của muôn loài - điều đã được đề cập trong câu “Đi từ cảnh này đến cảnh khác...” xuất hiện trước đó. Nhưng nếu câu trước chỉ đơn thuần nêu lên một nhận xét khách quan, thì với câu có các từ tổ tiên, hậu duệ, tác giả còn muốn khơi dậy ý thức trách nhiệm của con người đối với sự tồn tại của các loài khác trên Trái Đất.

Câu 5: Luôn nhất quán với cách hình dung sự sống như một thân cây, phát triển trong thời gian theo cả chiều dọc lẫn bề ngang, tác giả đã chọn lối giải thích đầy hình ảnh nhưng rất thuyết phục về sự tuyệt chủng

của hơn 99% số loài trên Trái Đất. Chẳng qua chúng giống như những cành thấp của cái cây, đã bị khô mục, gãy nát hay bị thời gian cắt cụt, thuận theo quy luật tự nhiên mà không gì có thể can thiệp, níu giữ được.

Câu 6: Đoạn trích chứa đựng những thông tin khoa học mang tầm khái quát rất cao nhưng vẫn dễ hiểu và đặc biệt hấp dẫn. Ấn tượng sự sống bao trùm toàn đoạn trích, tạo cho nó một sự thống nhất toàn vẹn. Mọi dẫn giải, phân tích đều chịu sự chi phối của ấn tượng này, khiến cho những điều trừu tượng trở nên dễ thấy, dễ nắm bắt, lĩnh hội.

Câu 7: Trong đoạn trích, toàn bộ các câu 3, 4, 5, 6 đã triển khai ý khái quát chứa đựng trong câu thứ 2. Từ đây, có thể xác định câu thứ 2 chính là câu chủ đề.

Câu 8: Các từ mượn trong đoạn trích đều là từ Hán Việt, nhưng trong số chúng, có lẽ *vi khuẩn*, *tế bào*, *khủng long* là những từ có “tuổi đời” trẻ hơn. Lí do khá đơn giản: các đối tượng mà những từ này “gọi tên” mới được giới khoa học phương Tây nghiên cứu, phát hiện cách nay chưa đến vài trăm năm. Từ đó suy ra, các từ nói trên, dù có nguồn gốc thế nào, cũng khó có thể ra đời trước những từ như tổ tiên, hậu duệ, quá khứ, sinh vật,...

ĐỀ SỐ 22

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:

Biển Đông có đa dạng loài sinh vật biển rất cao và nguồn lợi sinh vật biển phong phú với hơn 160 000 loài, bao gồm 10 000 loài thực vật và 260 loài chim biển. Trữ lượng các loài động vật biển ước tính khoảng 32,5 tỉ tấn, trong đó các loài cá chiếm 86% tổng trữ lượng. Trong vùng biển này còn có nhiều loài động vật quý hiếm, như đồi mồi, rắn biển, chim biển và thú biển. Ngoài ra, Biển Đông còn cung cấp nhiều loài rong biển có giá trị kinh tế. Riêng biển Việt Nam đã có khoảng 638 loài rong biển. Đây là nguồn thực phẩm giàu dinh dưỡng và là nguồn dược liệu phong phú đặc trưng cho một vùng biển nhiệt đới.

(Theo Nguyễn Chu Hồi (Chủ biên), An ninh môi trường và hoà bình ở Biển Đông, NXB Thông tin và Truyền thông, Hà Nội, 2019, tr. 34 - 35)

Câu 1: Thông tin chính mà đoạn trích đưa đến cho độc giả là gì?

Câu 2: Đặc trưng nào của văn bản thông tin đã được thể hiện đậm nét qua đoạn trích?

Câu 3: Cái nhìn toàn diện của người viết về sự “đa dạng loài” ở Biển Đông đã được thể hiện như thế nào trong đoạn trích?....(0368218377)

Câu 4: Hãy so sánh cách nói về “biển bạc” trong đoạn trích trên và trong đoạn thơ sau đây của Huy Cận để rút ra nhận xét về sự khác biệt giữa văn bản thông tin và văn bản văn học:

*Cá nhụ cá chim cùng cá đé,
Cá song lấp lánh đuốc đen hồng,
Cái đuôi em quẫy trắng vàng choé
Đêm thơ: sao lùa nước Hạ Long.*

(Đoàn thuyền đánh cá)

Câu 5: Em suy nghĩ như thế nào về mối quan hệ giữa vấn đề “nguồn lợi” và vấn đề “đa dạng loài sinh vật biển”?

Câu 6: Những thông tin về sự phong phú của sinh vật biển ở Biển Đông có ý nghĩa như thế nào đối với nhận thức và hành động của chúng ta hôm nay?

Câu 7: Nếu bỏ đi các từ ngữ như còn có (ở câu 3), ngoài ra (ở câu 4), riêng (ở câu 5), đây là (ở câu 6), sự liên kết trong đoạn trích sẽ bị ảnh hưởng như thế nào?

Câu 8: Nêu những điểm giống và khác nhau giữa đoạn trích này với đoạn trích ở bài tập 4 về phương diện bố cục.

GỢI Ý:

Câu 1: Đoạn trích cho biết sự đa dạng loài cũng như trữ lượng dồi dào của sinh vật biển ở Biển Đông và lợi ích kinh tế của việc khai thác nguồn tài nguyên này.

Câu 2: Sử dụng nhiều số liệu cụ thể để làm tăng tính thuyết phục của vấn đề được nói tới, đó là một trong những đặc trưng nổi bật của văn bản thông tin. Trong đoạn trích này, đặc trưng đó đã được thể hiện rõ nét, khi tác giả đưa ra nhiều con số chứng minh Biển Đông là nơi có sự đa dạng sinh học cao và trữ lượng sinh vật biển rất lớn.

Câu 3: Đoạn trích thực sự đã đưa đến cái nhìn toàn cảnh về sự “đa dạng loài” ở Biển Đông. Ngoài việc nêu tổng số loài, người viết còn kể chi tiết về số lượng các loài thực vật và liệt kê hàng loạt loài động vật quý hiếm khác ngoài cá (cá vốn là loài có trữ lượng lớn nhất).

Câu 4: Đoạn trích đang phân tích và đoạn thơ của Huy Cận không thuộc cùng một loại văn bản. Đoạn trích (Biển Đông có... nhiệt đới) thuộc loại văn bản thông tin, rất quan tâm tới tính xác thực của điều được nói tới, vì vậy, đã chú ý đưa ra hàng loạt số liệu cụ thể. Còn đoạn thơ của Huy Cận thuộc loại văn bản văn học, tuy có sử dụng hình thức liệt kê nhưng không nhằm đưa ra một danh sách đầy đủ về đối tượng mà chỉ cốt gợi mở và khơi dậy những rung động thẩm mỹ ở độc giả.

Câu 5: Đoạn trích gợi lên cùng lúc hai vấn đề: sự đa dạng loài sinh vật biển và nguồn lợi sinh vật biển. Giữa hai vấn đề này có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Nguồn lợi càng lớn nếu sự đa dạng càng lớn. Ngược lại, nguồn lợi sẽ giảm đi nếu sự đa dạng vốn có bị đe dọa.

Câu 6: Những thông tin nói về sự phong phú của sinh vật biển ở Biển Đông giúp ta nhận thức được đầy đủ hơn về tầm quan trọng của Biển Đông đối với tương lai phát triển của đất nước. Đồng thời, chúng khơi dậy ở ta ý thức bảo vệ chủ quyền biển đảo, quyết không để bất cứ thế lực ngoại bang nào xâm phạm, chiếm đoạt phần lãnh hải thiêng liêng của Tổ quốc.

Câu 7: Các từ ngữ như còn có (ở câu 3), ngoài ra (ở câu 4), riêng (ở câu 5), đây là (ở câu 6) đảm nhiệm việc liên kết các câu văn trong đoạn trích. Nếu thiếu những từ ngữ liên kết này, đoạn trích sẽ rời rạc, thiếu thống nhất.

Câu 8: Đoạn trích ở bài tập 4 và đoạn trích ở bài tập 8 có những điểm giống và khác nhau về bố cục:

- Giống: cả hai đều có câu chủ đề và ý của câu đó được triển khai cụ thể trong những câu tiếp sau.
- Khác: cuối đoạn trích ở bài tập 4 có câu khái quát về những điều được nêu ở phần trên, còn cuối đoạn trích ở bài tập 8 thì không xuất hiện câu mang tính chất này.

ĐỀ SỐ 23

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:

Giờ đây, loài người thống trị hầu khắp hành tinh đến mức chúng ta đang đẩy các động thực vật hoang dã ra khỏi bề mặt Trái Đất. Chúng ta đã sử dụng hơn một nửa đất đai của thế giới cho lương thực, thành phố, đường sá và hầm mỏ; chúng ta sử dụng hơn 40% sản lượng sơ cấp của hành tinh (tất cả mọi thứ chế biến từ thực vật và động vật); và chúng ta kiểm soát 3/4 lượng nước ngọt. Con người hiện là loài động vật lớn với số lượng nhiều nhất trên Trái Đất và đứng thứ hai trong danh sách đó chính là những con vật được chúng ta nhân giống để phục vụ mình. Những thay đổi trên cấp độ hành tinh giờ đây đang đe dọa gây tuyệt chủng cho 1/5 sinh vật, gấp khoảng một nghìn lần tỉ lệ tuyệt chủng tự nhiên - chúng ta đã mất một nửa số động vật hoang dã chỉ trong vòng 40 năm qua...

(Nhiều tác giả, Thế giới sẽ ra sao?, NXB Dân trí, Hà Nội, 2020, tr, 38 - 39)

Câu 1: Đoạn trích cho người đọc biết về vấn đề gì?

Câu 2: Đoạn trích này có nội dung gần gũi với những đoạn nào trong hai văn bản thông tin đã học: *Trái Đất - cái nôi của sự sống* và các loài chung sống với nhau như thế nào?

Câu 3: Tác giả đã chứng minh “sự thống trị hầu khắp hành tinh” của loài người theo cách nào?

Câu 4: Sự thống trị của con người trên Trái Đất đã đưa đến những hậu quả nặng nề gì? Theo em, những hậu quả đó có thể tác động ngược trở lại đời sống con người như thế nào?

Câu 5: Phân tích cách triển khai thông tin theo quan hệ nhân quả trong đoạn trích.

Câu 6: Em có thể nói gì để bày tỏ sự đồng cảm, chia sẻ với niềm lo âu ẩn chứa sau những thông tin và cách đưa thông tin của đoạn trích?

Câu 7: Từ *sơ cấp* với nghĩa trong đoạn trích có thể được đặt cùng nhóm với từ nào sau đây (tất cả đều là từ mượn): đa cấp, trung cấp, thứ cấp, cao cấp?

Câu 8: Câu thứ nhất của đoạn trích chứa đựng hai ý nhỏ. Hai ý đó đã được triển khai như thế nào trong những câu tiếp theo?

GỢI Ý:

Câu 1: Đoạn trích nói về địa vị thống trị của con người trên Trái Đất và những hậu quả tiêu cực mà địa vị đó gây ra cho đời sống của muôn loài.

Câu 2: Đoạn trích này có nội dung gần gũi với đoạn thứ nhất của phần tình trạng Trái Đất hiện ra sao? trong văn bản *Trái Đất - cái nôi của sự sống* và đoạn thứ bảy trong văn bản *Các loài chung sống với nhau như thế nào?*

Câu 3: Tác giả đã chứng minh “sự thống trị hầu khắp hành tinh” của loài người bằng cách liên tục đưa ra những số liệu cụ thể và các so sánh có độ xác thực cao.

Câu 4: Những hậu quả nặng nề mà sự thống trị của con người trên Trái Đất đưa lại: phá vỡ cân bằng sinh thái; huỷ hoại sự đa dạng sinh học; đẩy nhiều loài đến tình trạng tuyệt chủng. Bản thân những điều này vừa là các yếu tố của thảm họa môi trường, vừa là tác nhân dẫn tới tình trạng suy thoái nghiêm trọng hơn đối với môi trường, đe dọa trực tiếp sự tồn tại của con người.....(0368218377

Câu 5: Trong đoạn trích, tác giả đã sử dụng cách triển khai thông tin theo quan hệ nhân quả. Sau khi nhắc đến từng hành động tiêu cực của con người, tác giả nói ngay về hậu quả của những hành động đó: các loài vật bị chiếm đoạt điều kiện, cơ hội sống (thiếu địa bàn cư trú, thiếu thức ăn, thiếu nước) và cuối cùng bị đẩy vĩnh viễn khỏi bề mặt Trái Đất.

Câu 6: Trong đoạn trích, đằng sau những thông tin mang tính tiêu cực là một nỗi lo về sự an nguy của chính con người. Nếu không sớm tỉnh ngộ, con người sẽ bị diệt vong, như vô số loài sinh vật khác đã bị tuyệt chủng. Đến lúc đó, Trái Đất có nguy cơ không còn là cái nôi của sự sống nữa.

Câu 7: Từ *sơ cấp* với nghĩa trong đoạn trích chỉ có thể được đặt cùng nhóm với từ thứ cấp trong chuỗi từ đã liệt kê. Trong ngữ cảnh đoạn trích, từ *sơ cấp* gắn với loại sản phẩm trực tiếp chế biến từ thực vật và động vật phục vụ cho nhu cầu của con người. Khi loại sản phẩm này được dùng làm nguyên liệu để chế biến thành một sản phẩm khác, có chất lượng cao hơn, thì loại sản phẩm bậc hai này được gắn với từ thứ cấp.

Câu 8: Có 2 ý nhỏ được chứa đựng trong câu thứ nhất của đoạn trích và giữa chúng tồn tại mối quan hệ nhân quả.

- Ý 1: sự thống trị của con người trên Trái Đất.

- Ý 2: sự biến mất của một số loài sinh vật. Để triển khai cụ thể các ý này, trước tiên, tác giả nói về tỉ lệ sở hữu chênh lệch đối với các tài nguyên trên Trái Đất giữa con người và các loài sinh vật khác, tiếp đó, tác giả điếm lại tỉ lệ tuyệt chủng - sống sót của các loài sinh vật và tốc độ biến mất của những động vật hoang dã trong vòng 40 năm qua.

Đề 24:

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

NGƯỜI LỚN VÀ TRẺ EM CÓ NÊN ĐỐI THOẠI BÌNH ĐẲNG?

Do khoảng cách thế hệ, người lớn và trẻ em thường có nhiều khác biệt trong trải nghiệm và suy nghĩ về các vấn đề trong cuộc sống. Liệu người lớn và trẻ em có nên đối thoại bình đẳng với nhau hay không? Hãy đọc các ý kiến sau:

Ý kiến 1:

Ông bà ta có câu “Cá không ăn muối cá ươn/ Con cãi cha mẹ trăm đường con hư; “Không thầy đố mày làm nên”. Quả thật vậy, người lớn và trẻ em không nên đối thoại bình đẳng mà trẻ em cần phải biết nghe lời người lớn.

Trẻ em cần phải nghe lời người lớn vì người lớn có nhiều kinh nghiệm hơn. Do vậy, người lớn sẽ có những lời khuyên, những bài học bổ ích để giúp cho trẻ em có được hướng đi đúng đắn trong cuộc sống.

Trong nhiều trường hợp, người lớn do từng trải nên cũng có tinh thần trách nhiệm cao hơn, trẻ em cần nghe theo người lớn để tránh được những hậu quả đáng tiếc xảy ra. Tôi còn nhớ câu chuyện về mẹ của thầy Mạnh Tử. Thuở nhỏ, thầy Mạnh Tử tuy thông minh, tư chất hơn người nhưng lại ham chơi, một lần do ham chơi mà thầy trốn học. Khi thầy trở về, mẹ thầy Mạnh Tử không nói gì, lấy kéo cắt mảnh vải bà đang dệt ra làm đôi. Hành động ấy của mẹ làm thầy Mạnh Tử hết sức ngỡ ngàng. Người mẹ nói: " Việc nghỉ học của con cũng giống như việc mẹ cắt đứt mảnh vải này. Người quân tử học để thành danh, thỉnh giáo người khác là để làm tăng thêm tri thức. Có tri thức, thì lúc nhàn nhã sẽ được an tĩnh bình hoà, lúc hành động thì có thể rời xa tai hoạ. Con hôm nay trốn học, khó tránh khỏi việc ngày sau chỉ làm một chút việc nhỏ cũng bỏ dỡ giữa chừng, tương lai càng khó mà rời xa được tai hoạ". Nếu không nhờ nghe theo người mẹ ấy, liệu có thể có một thầy Mạnh Tử tiếng tăm lừng lẫy sau này?

Do vậy, không thể có chuyện người lớn và trẻ em đối thoại bình đẳng, mà người lớn phải đóng vai trò định hướng, chỉ dạy, còn trẻ em phải lắng nghe và vâng lời.

Ý kiến 2:

Môi quan hệ giữa cha mẹ và con cái, giữa thầy và trò sẽ tốt hơn rất nhiều nếu người lớn và trẻ em có được những cuộc đối thoại bình đẳng.

Thứ nhất, dù trẻ em còn non nớt thì mỗi đứa trẻ đều có quan điểm riêng về thế giới, đều có những ý kiến riêng đáng được tôn trọng. Có khi, những quan điểm của trẻ em về thế giới lại mang đến những thay đổi tích cực. Năm 11 tuổi, cô bé Ma-la-la Diu-sa-phơ-dai đã lên tiếng chống lại chế độ Ta-li-ban và bày tỏ quan điểm về việc xúc tiến giáo dục cho nữ giới tại Pa-ki-xtan. Tiếng nói của Ma-la-la đã

tạo ra nhiều thay đổi tích cực tại quê hương Cô. Ma-la-la là người trẻ tuổi nhất từng nhận được giải Nô-ben hoà bình, vào năm 2014.

Bạn thấy đấy, đâu phải cứ là tiếng nói của trẻ em thì sẽ ngây thơ, nông nổi và không có giá trị?

Thứ hai, người lớn cũng có khi mắc sai lầm, và họ cũng cần lắng nghe trẻ em để khắc phục lỗi sai của mình. Grét-ta Thân-bớt đã trở thành nhà hoạt động môi trường với những chiến dịch được quốc tế công nhận khi cô 15 tuổi. Trong bài diễn thuyết tại Hội nghị thượng đỉnh hành động vì môi trường của Liên hiệp quốc tại Niu Óoc, Grét – ta đã mạnh mẽ phê phán lãnh đạo các nước trên thế giới vì đã không có những hành động thiết thực và quyết liệt hơn để giảm thiểu khí thải: " Mọi người đang phải chịu đựng, đang chết dần. Toàn bộ hệ sinh thái đang sụp đổ. Chúng ta đang ở giai đoạn đầu của sự tuyệt chủng hàng loạt. Nhưng tất cả những gì các vị nói là về tiền và những câu chuyện cổ tích về phát triển kinh tế. Sao các ngài lại dám làm như vậy?". Môi trường đang ngày càng ô nhiễm, sự sống của toàn cầu đang bị đe dọa, liệu những người lớn có giật mình thức tỉnh vì thông điệp của cô bé Grét – ta Thân – bớt?

	Nhiều người cho rằng nếu trẻ em đối thoại bình đẳng với người lớn thì sẽ là vô lễ. Điều đó không đúng. Những đối thoại bình đẳng, cởi mở dựa trên tinh thần tôn trọng lẫn nhau, trái lại, là một cơ hội tốt để người lớn và trẻ em thấu hiểu nhau hơn, để cả hai bên lắng nghe, tìm thấy tiếng nói chung và hoàn thiện bản thân.
--	--

- a. Mỗi ý kiến trên là một văn bản riêng biệt. Em hãy cho biết trong hai văn bản trên, các tác giả bàn về vấn đề gì?
- b. Tác giả của hai văn bản đã đưa ra những lí lẽ, bằng chứng nào để bảo vệ cho quan điểm của mình?
- c. Dựa vào những ý kiến trao đổi ở trên, em hiểu thế nào là “đối thoại bình đẳng”?
- d. Mỗi ý kiến đưa ra đều có điểm hợp lí và điểm chưa hợp lí. Chỉ ra những điểm hợp lí và chưa hợp lí ấy dựa vào bảng sau:

Ý kiến	Điểm hợp lí	Điểm chưa hợp lí
Ý kiến 1: Trẻ em và người lớn không nên đối thoại bình đẳng với nhau.		
Ý kiến 2: Trẻ em và người lớn cần đối thoại bình đẳng với nhau.		

GỢI Ý:

- a. Hai văn bản cùng bàn về vấn đề: việc đối thoại bình đẳng giữa người lớn và trẻ em. Trong đó ý kiến 1 đưa ra quan điểm: người lớn và trẻ em không nên đối thoại bình đẳng với nhau. Ý kiến 2 đưa ra quan điểm: việc đối thoại bình đẳng giữa người lớn và trẻ em là rất cần thiết.
- b. Các lí lẽ và bằng chứng được đưa ra:

Ý kiến 1: Không nên có sự đối thoại bình đẳng giữa người lớn và trẻ em	Ý kiến 2: Nên có sự đối thoại bình đẳng giữa người lớn và trẻ em
Lí lẽ 1.1: Trẻ em cần phải nghe lời người lớn bởi vì người lớn có nhiều trải nghiệm hơn. Lí lẽ 1.2: Người lớn đủ khôn ngoan để giúp trẻ em không lầm đường, lạc lối. Bằng chứng: mẹ thầy Mạnh Tử dạy con.	Lí lẽ 2.1: Trẻ em có những quan điểm riêng đáng được tôn trọng. Bằng chứng: Những đóng góp của Ma-la-la Diu-sa-phơ-dai cho cộng đồng của cô ở quê hương. Lí lẽ 2.2: Người lớn cần lắng nghe trẻ em để nhận ra những lỗi sai của mình. Bằng chứng: Những ý kiến của Grét-ta Thân-bớt về trách nhiệm bảo vệ môi trường của người lớn.

- c. “Đối thoại bình đẳng” trong văn bản chính là việc các ý kiến khác nhau được đưa ra xem xét một cách công bằng, không bị áp đặt. Dù là trẻ con hay người lớn thì đều có quyền nêu lên ý kiến của mình và các ý kiến ấy đều cần được tôn trọng và xem xét một cách công tâm. Tuy vậy, “Đối thoại bình đẳng” vẫn phải đảm bảo văn hoá giao tiếp, thể hiện sự lịch sự, tôn trọng đối phương.
- d. Hai ý kiến trên văn bản đều có điểm hợp lí và chưa hợp lí. Điểm chưa hợp lí nằm ở chỗ cả hai ý kiến đều có cái nhìn một chiều, chưa đánh giá toàn vẹn vấn đề. Cụ thể là:

- Ý kiến 1: Hợp lí ở chỗ đã chỉ ra được trong nhiều trường hợp, trẻ em không đủ năng lực để quyết định và chịu trách nhiệm, nên phải nghe lời người lớn. Nhưng khi cho rằng “người lớn và trẻ em không nên có sự đối thoại bình đẳng”, thì ý kiến này đã phủ định tuyệt đối việc đối thoại bình đẳng, mà trong thực tế cuộc

sống, nếu không có đối thoại bình đẳng thì không thể có sự thấu hiểu, và sẽ càng làm cho mối quan hệ giữa người lớn và trẻ em thêm xa cách.

- Ý kiến 2: Ý kiến hợp lí ở chỗ đã cho thấy trẻ em trong nhiều trường hợp cũng có những suy nghĩ, quan điểm đúng đắn, đáng để người lớn suy ngẫm. Điểm chưa hợp lí trong ý kiến này đó là đã không nhìn ra được những mặt hạn chế trong năng lực nhận thức của trẻ em, cũng như vai trò dẫn dắt của người lớn trong các cuộc đối thoại. Ta có thể thấy rằng, điểm bất hợp lí của ý kiến này lại chính là điểm hợp lí của ý kiến kia: Trong cuộc sống, trước một vấn đề đang có nhiều sự tranh cãi, có nhiều quan điểm trái chiều, ta nên nhìn nhận vấn đề từ nhiều quan điểm, nhiều góc nhìn để chọn cho mình một góc nhìn hợp lí nhất.

ĐỀ SỐ 25:

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

VỀ HAI CÁCH HIỂU BÀI CA DAO *RA ĐI ANH NHỚ QUÊ NHÀ*

*Ra đi anh nhớ quê nhà
Nhớ canh rau muống, nhớ cà dầm tương,
Nhớ ai dãi nắng dầm sương
Nhớ ai tát nước bên đường hôm nao.*

Bài ca dao *Ra đi anh nhớ quê nhà* được lưu hành khá rộng rãi và thống nhất trong nhân dân cũng như trong các tập sách sưu tầm, tuyển chọn ca dao. Cả bài vẹn vẹn có bốn câu, lời lẽ rất giản dị, dễ hiểu, tưởng chừng ai cũng hiểu như nhau, chẳng có chuyện gì phải bàn cãi, phân tích nữa. Thế nhưng thực tế đã có ít nhất hai cách hiểu khác nhau rõ rệt, cả hai cách đều có cơ sở và lí do để tồn tại. Cách hiểu thứ nhất nhấn mạnh vào nỗi “nhớ quê nhà” và coi chủ đề chính của bài ca dao là tình cảm quê hương đất nước. Cách hiểu thứ hai, nhấn mạnh vào nỗi “nhớ ai” ở hai câu cuối và coi chủ đề chính của bài ca dao là tình yêu đôi lứa.

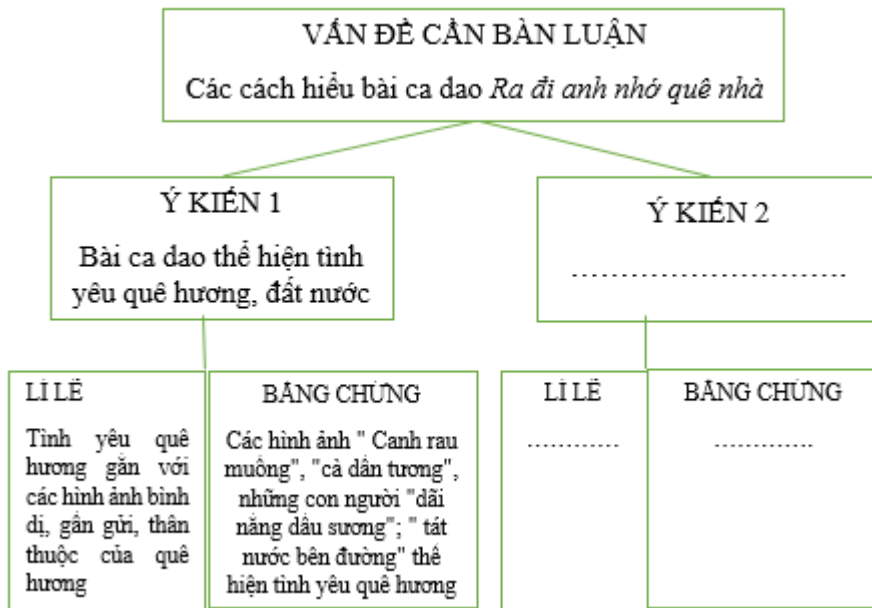
Ở cách hiểu thứ nhất, tình yêu quê hương của chàng trai gắn với những hình ảnh bình dị, gần gũi, thân thuộc của quê hương. Mỗi con người, mỗi nhà thơ đều có cách định nghĩa riêng về quê hương của mình, không ai hoàn toàn giống ai cả. Quê hương của Tế Hanh in sâu trong tâm trí nhà thơ với “con sông xanh biếc”, “nước gương trong soi tóc những hàng tre”. Quê hương của Giang Nam có hoa, “có bướm”, “có những ngày trốn học bị đòn roi”,... Còn quê hương của chàng trai trong bài ca dao này là “canh rau muống”, “cà dầm tương”, là những con người “dãi nắng dầm sương”, “tát nước bên đường”,... thật là tự nhiên và hợp tình hợp lí.

Ở cách hiểu thứ hai, nỗi nhớ quê nhà của anh gắn liền với nỗi nhớ người yêu. Cả hai nỗi nhớ đều chân thực, thiết tha. Qua đó, chàng trai bày tỏ tình yêu với người bạn gái. Đôi trai gái ở đây đã chú ý đến nhau nhưng chưa một lần thổ lộ, tình yêu của họ đang ở buổi ban đầu, e ấp, khó nói. Giờ đây, khi sắp sửa xa quê, chàng trai mới mạnh dạn gặp cô gái để giải bày tâm sự. Cách diễn đạt nỗi nhớ từ xa đến gần, từ chung đến riêng, từ mơ hồ đến xác định và cách xưng hô “anh - ai” chứng tỏ rằng chàng trai rất e dè, thận trọng, dường như vừa nói vừa thăm dò sự phản ứng của cô gái. Nhằm mục đích bày tỏ tình yêu, nhưng suốt cả bài ca dao chàng trai ở đây (cũng giống như các chàng trai trong nhiều bài ca dao tỏ tình khác) đã né tránh không đụng chạm đến từ “yêu”, “thương” nào cả. Tất cả sự yêu thương đều dồn vào một từ “nhớ” được nhắc đi nhắc lại đến năm lần, mỗi lần một cung bậc khác nhau và càng về sau càng cụ thể, tha thiết. Nếu coi bài ca dao là lời tâm sự trước lúc đi xa của chàng trai với cô gái thì có một điều đặc biệt đáng chú ý nữa là, chàng trai chưa đi xa mà đã nhớ!

Mỗi cách hiểu đã trình bày và phân tích ở trên đều có chỗ hợp lí và chỗ hay riêng của nó. Nhưng nhìn chung thì cách hiểu thứ hai hay hơn và độc đáo hơn cách hiểu thứ nhất.

(Theo Hoàng Tiến Tựu, *Bình giảng ca dao*, NXB Giáo dục, 1999)

a. Tác giả đã đưa ra ý kiến gì về hai cách hiểu bài ca dao? Hãy xác định lí lẽ, bằng chứng tác giả đưa ra để củng cố cho hai ý kiến dựa vào sơ đồ sau:



b. Em hãy tóm tắt nội dung của văn bản trên trong một đoạn văn (khoảng 150 đến 200 chữ).

e. Ở đoạn hai, việc tác giả nêu những ấn tượng về quê hương trong thơ Tế Hanh, Giang Nam có ý nghĩa gì?

d. Trong hai cách hiểu mà tác giả đưa ra, em thích cách hiểu nào hơn? Vì sao?

GỢI Ý:

a. HS trả lời dựa vào bảng sau:

Ý kiến	Lí lẽ	Bằng chứng
Ý kiến 1: Bài ca dao thể hiện nỗi nhớ quê hương.	Tình yêu quê hương của chàng trai gắn liền với những hình ảnh bình dị, gần gũi, thân thuộc của quê hương	Chàng trai định nghĩa quê hương qua các hình ảnh "canh rau muống", " cà dầm tương", những con người " dãi nắng dầm sương", tát nước bên đường".
Ý kiến 2: Bài ca dao thể hiện tình yêu đôi lứa	Tình yêu chưa một lần thổ lộ, tình yêu đang ở buổi ban đầu e ấp, khó nói	- Cách diễn đạt mơ hồ và cách xưng hô " anh-ai" như một cách bày tỏ kín đáo tình cảm, là một cách thăm dò cô gái. - Tất cả yêu thương dồn vào từ " nhớ" được nói đi nói lại đến năm lần.

b. Dựa vào bảng trên, HS viết đoạn văn tóm tắt văn bản. Chú ý đoạn văn cần đảm bảo trình bày được các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng được nêu trong văn bản.

c. Việc tác giả nêu những ấn tượng về quê hương trong thơ Tế Hanh, Giang Nam nhằm khẳng định mỗi nhà thơ đều có những cách khác nhau định nghĩa về tình yêu quê hương của mình, từ đó nhấn mạnh vào nét riêng biệt, độc đáo của bài ca dao *Ra đi anh nhớ quê nhà* khi viết về quê hương, tình yêu quê hương đối với chàng trai thể hiện qua những hình ảnh gần gũi, bình dị của quê nhà, với những người lao động chất phác, chăm chỉ.

d. HS trình bày ý kiến về cách hiểu mà mình yêu thích, biết đưa ra những lí lẽ, bằng chứng để củng cố cho ý kiến của mình.

BÀI TẬP VIẾT ngắn: Giả sử một người bạn của em đang có bất đồng ý kiến với cha mẹ. Em hãy viết cho bạn một tin nhắn (dưới hình thức một đoạn văn) để gợi ý cách giúp bạn và cha mẹ hiểu nhau hơn (trong đoạn văn có sử dụng hai từ Hán Việt).

GỢI Ý:

HS viết đoạn văn, sau đó tự đánh giá đoạn văn dựa trên bảng kiểm sau:

Các phần của đoạn văn	Nội dung kiểm tra	Đạt/ Chưa đạt
Mở đoạn	Có phần mở đầu tin nhắn hướng đến đối tượng đọc.	
	Nêu được vấn đề cần giải quyết.	
Thân đoạn	Trình bày được gợi ý giúp bạn và cha mẹ thấu hiểu nhau hơn.	
	Nêu được lí lẽ, bằng chứng củng cố cho ý kiến của mình.	
	Sử dụng một số từ ngữ để tạo sự liên kết chặt chẽ giữa các câu.	
Kết đoạn	Khẳng định lại ý kiến của bản thân.	
	Có phần kết thúc tin nhắn hướng đến người đọc.	

*** Gợi ý:**

Gửi Hoa! Tớ biết mấy ngày hôm nay cậu rất buồn vì xảy ra mâu thuẫn với bố mẹ cậu, và tớ cũng biết cậu rất ảm ức vì bố mẹ không chịu hiểu mình. Nhưng Hoa biết không, đứng ở góc độ khách quan thì theo tớ chúng ta nên thông cảm với bố mẹ của cậu bởi khi ấy họ quá nóng giận nên mới có những lời lẽ trách móc như vậy. Bình tĩnh lại mà suy nghĩ thì Hoa cũng chưa giải thích rõ ràng vấn đề cho bố mẹ hiểu nên họ mới nổi nóng như vậy. Bố mẹ không phải siêu nhân, ông bụt hay bà tiên mà không biết nóng giận, cho nên chúng mình cần biết thông cảm với họ nhiều hơn. Bố mẹ nào cũng rất yêu thương con cái của mình, chỉ là đôi khi cuộc sống ngoài kia quá áp lực khiến họ dễ nổi giận mà thôi. Hãy gặp bố mẹ, nói lời xin lỗi và giải thích rõ ràng để bố mẹ có thể hiểu cậu hơn Hoa nhé! Tớ mong mọi vấn đề sẽ được giải quyết và cậu sẽ lại vui vẻ như bình thường. Thân mến!

ĐỀ 25:

Đọc đoạn trích và trả lời các câu hỏi sau:

“Ca dao là “Thơ của mọi nhà” (Xuân Diệu). Ca dao Nam Bộ nói riêng, cả nước nói chung, là những tượng đài ngôn từ bất hủ về tâm hồn, trái tim, tài năng của nhân dân. Ngôn ngữ của ca dao – dân ca là lời đề tựa (1) rất sinh động cho tư duy, tâm hồn, ngôn ngữ của nhân dân các miền trên Tổ quốc. Ca dao – dân ca Nam Bộ đã góp phần nuôi dưỡng những nhà thơ, nghệ sỹ đất Đồng Nai – Gia Định như Nguyễn Đình Chiểu, Bùi Hữu Nghĩa, Hồ Huân Nghiệp... Dễ hiểu vì sao ca dao Nam Bộ đến nay vẫn sống trong các bối cảnh sinh động khác nhau của đời sống nhân dân, đi vào nhiều ca từ của những bài ca vọng cổ (2), những trang văn của các nhà văn. “Ca dao tự vạch cho mình một lối đi, dẫu không hào nhoáng song hết sức hiên ngang, hết sức độc lập. Phát sinh vì dân tộc, sống còn nhờ dân tộc, ca dao là kết tinh (3) thuần túy (4) của tinh thần dân tộc”(Thuần Phong). Tìm về cội nguồn ngôn ngữ ca dao – dân ca Nam Bộ, sẽ tìm được nhiều minh chứng, nhiều bài học về sự giàu có, trong sáng của tiếng Việt, về tình yêu tiếng mẹ đẻ, tiếng dân tộc. Bởi vì đó là “tiếng nói của quần chúng nhân dân đầy tình cảm, hình ảnh, màu sắc và âm điệu hồn nhiên, ngộ nghĩnh và đầy ý nghĩa” (Phạm Văn Đồng).”

(Trích Một số đặc điểm ngôn ngữ ca dao – dân ca Nam Bộ, Bùi Mạnh Nhị,

dẫn theo <https://vanhocsaigon.com/mot-so-dac-diem-ngon-ngon-ngu-ca-dao-dan-ca-nam-bo/>)

Chú thích:

(1) lời đề tựa: câu văn ngắn gọn dẫn ra ở đầu sách, đầu tác phẩm để thể hiện rõ chủ đề của quyển sách, tác phẩm đó.

(2) bài ca vọng cổ: bài ca theo làn điệu cải lương đặc trưng của Nam Bộ.

(3) kết tinh: tập trung những gì tốt đẹp nhất.

(4) thuần túy: không bị pha tạp, trộn lẫn thứ gì khác vào

- 1, Vấn đề chính mà người viết muốn đề cập đến trong đoạn trích là gì?
- 2, Ý kiến của Thuần Phong được xem là yếu tố gì (lí lẽ, bằng chứng) trong đoạn trích? Vai trò của ý kiến này là gì?
- 3, Xác định vị ngữ trong câu văn sau: “Tìm về cội nguồn ngôn ngữ ca dao – dân ca Nam Bộ, sẽ tìm được nhiều minh chứng, nhiều bài học về sự giàu có, trong sáng của tiếng Việt, về tình yêu tiếng mẹ đẻ, tiếng dân tộc.” Theo em, việc mở rộng thành phần vị ngữ này có tác dụng gì?
- 4, Vì sao có thể xác định đoạn trích này là văn bản nghị luận văn học?
- 5, Vấn đề trong văn bản đã tác động như thế nào đến tình cảm, suy nghĩ của em?

HƯỚNG DẪN

- 1', Vấn đề chính mà người viết muốn đề cập đến trong đoạn trích là giá trị của ngôn ngữ ca dao – dân ca Nam Bộ.
- 2, Ý kiến của Thuần Phong được xem là bằng chứng trong đoạn trích.
Vai trò của ý kiến này: minh họa, làm sáng rõ thêm cho vấn đề được nghị luận.
- 3, (1) Vị ngữ của câu văn: “sẽ tìm được nhiều minh chứng, nhiều bài học về sự giàu có, trong sáng của tiếng Việt, về tình yêu tiếng mẹ đẻ, tiếng dân tộc.”
(2) Tác dụng của việc mở rộng thành phần của câu: làm cho thông tin về mục đích của việc làm được nêu trong chủ ngữ trở nên chi tiết, rõ ràng
- 4, Có thể xác định đoạn trích này là văn bản nghị luận văn học vì:
(1) Văn bản nhằm thuyết phục người đọc, người nghe về một vấn đề thuộc lĩnh vực văn học – nghệ thuật.
(2) Những lí lẽ, bằng chứng tác giả đưa ra để minh họa, làm sáng rõ cho vấn đề đều thuộc lĩnh vực văn học – nghệ thuật.
- 5, Tác động của vấn đề trong văn bản đến tình cảm, suy nghĩ của bản thân:
(1) Vấn đề trong văn bản đã giúp bản thân hiểu thêm giá trị của ngôn ngữ ca dao – dân ca Nam Bộ.
(2) Từ đó, vấn đề trong văn bản đã giúp bản thân nhận thức được cần tìm hiểu nhiều hơn về ca dao – dân ca Nam Bộ để tự hào về sự giàu có, trong sáng của tiếng Việt, dần bồi đắp thêm tình yêu tiếng mẹ đẻ, tiếng dân tộc.